

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(01/01/2011 - 31/12/2011)



COMECO vì khách hàng phục vụ

LOGO



- Giọt dầu làm biểu tượng;
- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;
- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;
- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tâm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;
- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững

GIÁ TRỊ CỐT LÕI COMECO

HOÀI BÃO:

“COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”

TÂM NHÌN:

“Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)”

SỨ MỆNH:

“Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu”

BẢN SẮC VĂN HÓA:

“Bản sắc nhân văn – Đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

SLOGAN:

“COMECO vì khách hàng phục vụ”

TRIẾT LÝ KINH DOANH:

“Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC:

“Chuyên nghiệp – Hợp tác – Win win”

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC:

“Trách nhiệm – Sáng tạo – Hiệu quả”

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP:

“Tôn trọng – Công bằng – Chia sẻ”

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ:

“Tin cậy – Công khai – Minh bạch”

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ COMECO

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng; Xây dựng Văn hóa COMECO với phương châm :

“COMECO vì khách hàng phục vụ”

2. Đa dạng hóa ngành hàng (trực chính là xăng dầu), trên tinh thần sáng tạo, linh hoạt, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực và hệ thống thông tin.

3. Xây dựng và phát triển COMECO trở thành :

“Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”.

Chính sách này đảm bảo người lao động COMECO thấu hiểu, thực hiện trên tinh thần tuân thủ pháp luật.

CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại Hội Đồng Cổ Đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- NLĐ : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (CHXD)
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông Vận tải
- HTQTCLTD: Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu



Lễ chào cờ thường kỳ của Công ty COMECO
tại sân Tòa nhà COMECO - 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM



Bà Trương Đức Hạnh, Bí thư Đảng bộ - CT.HĐQT - TGD Công ty COMECO
nhận Kỷ niệm chương và Chứng nhận Tổ chức Đảng xuất sắc tiêu biểu
tại buổi "Lễ tôn vinh các Tổ chức Đảng tiêu biểu trong Doanh nghiệp lần thứ I" ngày 28/8/2011



MỤC LỤC

NỘI DUNG

Giá trị cốt lõi	Bìa 2
Thư gửi cổ đông của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Thông tin chính về COMECO	4
Phần 1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
I. Những sự kiện quan trọng	6
II. Quá trình phát triển	6
III. Định hướng phát triển	12
Phần 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	17
I. Cơ cấu tổ chức của Công ty	18
II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban TGD và BKS	19
III. Số lượng CB.CNV và chính sách đối với NLĐ	22
Phần 3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2011 và Nhiệm kỳ III 5 năm (2007- 2011)	24
II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2011	26
III. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011	26
IV. Các rủi ro lớn và biện pháp phòng ngừa	27
V. Triển vọng và kế hoạch năm 2012	28
Phần 4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2011 và 5 năm (2007-2011)	32
II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011	35
III. Những tiến bộ Công ty đã đạt được năm 2011	36
IV. Kế hoạch phát triển năm 2012	36
Phần 5. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Báo cáo của BKS)	39
Phần 6. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	43
Phần 7. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	49
I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	52
II. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	53
III. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2011	54
IV. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội của COMECO trong năm 2011	56
Phần 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011	57
Phần 9. MẠNG LƯỚI BÁN LẺ XĂNG DẦU	83



Bà Trương Đức Hạnh
Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO

Thư gửi cổ đông

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Năm 2011 khép lại, đánh dấu 11 năm kể từ ngày COMECO chuyển đổi mô hình hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần, tôi rất vui mừng vì COMECO đã có những bước phát triển đáng tự hào."

Kính gửi: Quý Cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng cùng toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

Kính thưa quý vị !

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý vị những người đã gửi trọn niềm tin và đồng hành cùng chúng tôi xây dựng Thương hiệu COMECO trong suốt thời gian qua.

Năm 2011 khép lại, đánh dấu 11 năm kể từ ngày COMECO chuyển đổi mô hình hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần, tôi rất vui mừng vì COMECO đã có những bước phát triển đáng tự hào. Trong những năm qua, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới mà Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng

trực tiếp nặng nề, nhưng chúng ta đã vượt qua và hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm. Là một Doanh nghiệp, kinh doanh xăng dầu là chủ yếu, trong năm qua chúng ta đã gặp phải không ít những khó khăn, nhưng với sự nỗ lực và đồng thuận của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV, COMECO đã đạt được những thành quả rất đáng phấn khởi như: phát triển thêm 5 Chi nhánh Xăng dầu (Cửa hàng Xăng dầu) mới trong năm 2011, nâng tổng số Chi nhánh Xăng dầu lên 33 Chi nhánh (tăng 14 Chi nhánh sau cổ phần hóa Doanh nghiệp); triển khai kinh doanh các sản phẩm mới thân thiện với môi



trường như xăng E5 và áp dụng dịch vụ mới như sử dụng thẻ Oceanbank để thanh toán mua nhiên liệu; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là **23,38%/năm**; đưa được “mảng xanh” vào các Chi nhánh Xăng dầu COMECO; các chỉ tiêu khác về kinh doanh và quản lý đều được hoàn thành tốt; thể hiện được kết quả của phong trào thi đua năm 2011: **“Sức trẻ COMECO: Chủ động hơn – Năng động hơn – Thành công hơn”**. Điều này cũng có thể thấy rằng Thương hiệu COMECO đã từng bước được nâng cao một cách rõ rệt. Thay mặt lãnh đạo COMECO, tôi xin ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của toàn thể các thành viên trong thời gian vừa qua; đồng thời tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hưởng ứng của toàn thể quý vị để xây dựng Thương hiệu COMECO đúng với hoài bão chúng ta đã đề ra **“COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”**.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, COMECO luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của Nhà nước, Cổ đông, khách hàng, người lao động. Đối với đối tác và khách hàng, COMECO cam kết về chất lượng phục vụ mang Thương hiệu COMECO. Đối với người lao động, chúng tôi tạo

dựng một môi trường làm việc công bằng với chính sách đãi ngộ đầy đủ. Đối với Cổ đông, chúng tôi luôn đảm bảo kế hoạch sử dụng nguồn vốn hiệu quả và minh bạch, cân nhắc và thực hiện một cách hợp lý nhất giữa quyền lợi trước mắt và lâu dài với tinh thần luôn luôn làm tăng giá trị cho Cổ đông.

Năm 2012 được xem là năm tiếp tục thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của COMECO nói riêng, nhưng tôi tin rằng với sự đồng thuận và quyết tâm cao của toàn thể Quý vị, chúng ta sẽ đưa COMECO đến một đỉnh cao mới trong thành công. Tất cả mọi thách thức và khó khăn sẽ được chúng ta giải quyết một cách tốt nhất nhằm tạo dựng uy tín, niềm tin ngày càng vững vàng đối với cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV Công ty.

Thay mặt lãnh đạo COMECO, tôi xin gửi lời chào thân ái cùng lời chúc sức khỏe, thành công, hạnh phúc đến Quý vị; đồng thời kỳ vọng được Quý vị tiếp tục quan tâm, giúp đỡ, gắn bó lâu dài và đồng hành cùng COMECO.

Trân trọng kính chào.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ - XĂNG DẦU
QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Trương Đức Hạnh



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Thông tin chính về COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO)

MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



ISO 9001:2008

ISO 14001:2004

OHSAS 18001:2007

* Địa chỉ

: Tầng 7, 8, 9 Tòa nhà COMECO

549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Điện thoại

: (84.8) 38.321.111 - 38.302.222 - 38.303.222

* Fax

: (84.8) 38.325.555

* Email

: comecopetro@hcm.vnn.vn

* Website

: <http://www.comeco.com.vn>; <http://www.comeco.vn>

* Ngày thành lập

: 13/12/1975

* Thời điểm cổ phần hóa

: 13/12/2000

* Giấy CNĐKKD số

: 0300450673, cấp ngày 13-12-2000

* Tên cũ (DNNN)

: Công ty Vật tư Thiết bị Giao Thông Vận Tải (COMECO)

* Mã chứng khoán

: COM

* Ngày niêm yết trên Hose

: 07/8/2006

* Thương hiệu COMECO

: Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993



Tòa nhà COMECO

Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3,
Quận 3, Tp. HCM.



Phần 1

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- I. Những sự kiện quan trọng**
- II. Quá trình phát triển**
- III. Định hướng phát triển**

**Phần 1:*****Lịch sử hoạt động
của Công ty*****I. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG****1. Ngày thành lập : 13-12-1975.****2. Quá trình hình thành Công ty :**

Qua hơn 36 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

- **Phòng Quản lý Xăng dầu : Sau 30/4/1975**, Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.
- **Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu : Từ 08/1977 đến 12/1978.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Vật tư : Từ 12/1978 đến 12/1981.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu : Từ 12/1981 đến 10/1992.**
(trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Vật tư Thiết bị Giao Thông Vận Tải (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000**
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)
- **Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) : Từ 12/2000 đến nay.**
 - + COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh từ 01/2001 - 9/2004
 - + COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010.
 - + Từ tháng 3/2010 đến nay trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**1. Ngành nghề kinh doanh chính :**

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện giao thông vận tải.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Cho thuê văn phòng, kho bãi.
- Kinh doanh bất động sản.



2. Tình hình hoạt động :

2.1. Những cột mốc quan trọng sau 11 năm CPH:

- Ngày 25/12/2011 :

COMECO được Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, các Bộ ngành liên quan tuyên dương sản phẩm, dịch vụ của COMECO nằm trong **“Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”**.

- Ngày 02/4/2011 :

Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Ngày 13/12/2010 :

Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề : **“35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”**.

- Tháng 8/2010 :

Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Tháng 12/2009 :

Nhận 2 Giấy chứng nhận : **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004** và **Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007** do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- Tháng 10/2009 :

Nhận **Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương** do tổ chức Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (APQO) tặng tại Mexico.

- Tháng 08/2008 :

Ban hành **Giá Trị Cốt Lõi** của COMECO gồm 12 thành tố.

- Tháng 12/2007 :

Nhận **Giấy chứng nhận 5S** do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- Tháng 10/2007 :

Phát hành thêm 4.599.917 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên **79,99 tỷ đồng**, thặng dư 151 tỷ đồng.

- Tháng 10/2004 :

Nhận Giấy chứng nhận **Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000** do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

- Tháng 12/2000 :

Cổ phần hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.



2.2. Các dự án đầu tư lớn :

2.2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO :

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Sông Sài Gòn, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, TP. HCM).
- Diện tích đất : 20ha (200.000 m²)

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Hiện nay đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng, xin Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, nâng độ nền bằng đất tận thu phần chưa san nền... với tổng chi phí thực hiện đến 31/12/2011 là 58,841 tỷ đồng.

2.2.2. Dự án Tòa nhà COMECO :

- Địa điểm : Tại ngã ba Điện Biên Phủ - Nguyễn Thiện Thuật, Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM.
- Diện tích khuôn viên : 708 m²
- Quy mô : 10 tầng cao, sân thượng và 2 tầng hầm.

Sử dụng 3 tầng (7, 8, 9) làm văn phòng của Công ty, các tầng còn lại cho thuê, hiện đã khai thác được 80% (8/10 tầng) công suất.

- Tổng vốn đầu tư : 115,942 tỷ đồng.
- Dự án đã được khởi công xây dựng vào ngày 27/12/2008.
- Lễ khánh thành và đưa vào hoạt động : ngày 09/8/2010.

2.2.3. Một số dự án đầu tư xây dựng CNXD :

a. Dự án CNXD số 29 :

- Hình thức đầu tư : COMECO tự mua đất đầu tư xây dựng CNXD.
- Địa điểm : 318 Hương Lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp.HCM.
- Diện tích đất : 1.136 m²
- Tổng mức đầu tư : 6,878 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động : tháng 4/2011.

b. Dự án CNXD số 35 :

- Hình thức đầu tư : COMECO hợp tác với Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn – Madagui.
- Địa điểm : Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng.
- Diện tích đất : 1.515 m²
- Tổng mức đầu tư : 3,5 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động : tháng 11/2011.

c. Dự án CNXD số 36 :

- Hình thức đầu tư : COMECO hợp tác với một hộ cá thể tại tỉnh Bến Tre.
- Địa điểm : 164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ An A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích đất : 735 m²
- Tổng mức đầu tư : 4,186 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động : tháng 12/2011.

d. Dự án CNXD số 37 :

- Hình thức đầu tư : COMECO tự mua đất đầu tư xây dựng CNXD.
- Địa điểm : Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích đất : 1.593 m²
- Tổng mức đầu tư : 8,785 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động : tháng 12/2011.

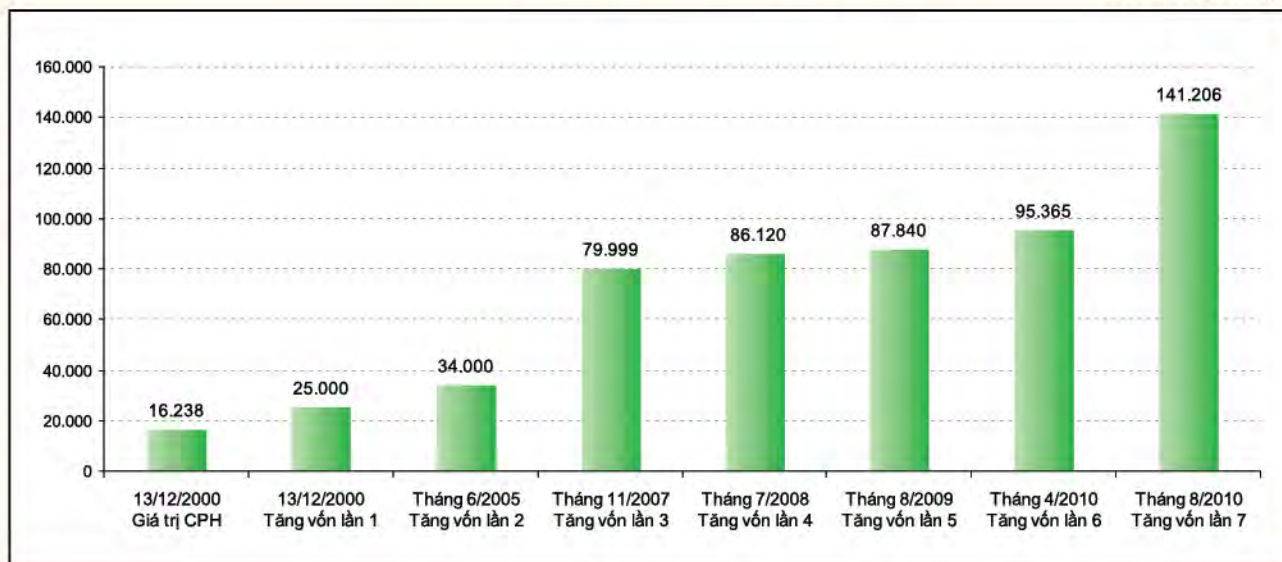
e. Dự án CNXD số 38 :

- Hình thức đầu tư : COMECO mua CHXD có sẵn.
- Địa điểm : ấp Vĩnh Phước, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Diện tích đất : 1.000 m²
- Tổng mức đầu tư : 7,6 tỷ đồng.
- Đưa vào hoạt động : tháng 9/2011.

2.3. Quá trình tăng vốn :

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ COMECO

DVT : Triệu đồng



2.4. Kết quả hoạt động nhiệm kỳ III 5 năm (2007 – 2011):

BẢNG KẾT QUẢ SXKD NHIỆM KỲ III 5 NĂM (2007 – 2011)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2000	THỰC HIỆN 2006	THỰC HIỆN 2007	THỰC HIỆN 2008	THỰC HIỆN 2009	THỰC HIỆN 2010	THỰC HIỆN 2011	TỶ LỆ SO SÁNH (%)						
										TH 08/ TH 07	TH 09/ TH 08	TH 10/ TH 09	TH 11/ TH 10	BQ 5 NĂM	TH 11/ TH 09	BQ 11 NĂM
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8(3/2)	9(4/3)	10(5/4)	11(6/5)	12	13(7/1)	14
1	Tổng tài sản	Tr đ	105.568	146.532	332.380	330.015	470.582	464.327	448.555	99	143	99	97	125	425	114
2	Vốn chủ sở hữu	Tr đ	25.582	78.625	283.642	288.894	343.004	357.226	357.836	102	119	104	100	135	1.399	127
3	Vốn điều lệ	Tr đ	16.238	34.000	79.999	86.120	87.840	141.206	141.206	108	102	161	100	133	870	122
4	Doanh thu thuần (chưa VAT)	Tr đ	394.907	1.705.307	2.087.941	3.071.595	2.821.220	3.616.801	4.732.648	147	92	128	131	123	1.198	125
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	5.824	14.309	17.652	26.137	84.298	48.620	42.874	148	323	58	88	125	736	120
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	3.298	12.293	15.190	19.1453	63.224	36.919	33.272	128	325	58	90	122	1.009	123
7	Cổ tức	%		18	15	15	20	18	18	100	133	90	100	104		111
8	Lãi cơ bản trên cp	Đồng		3.239	3.275	2.343	4.625	2.697	2.420	72	197	58	90	94		
9	Giá trị cp trên sổ sách	Đồng		23.897	35.961	34.698	41.024	25.978	26.023	96	118	63	100	102		

Ghi chú :

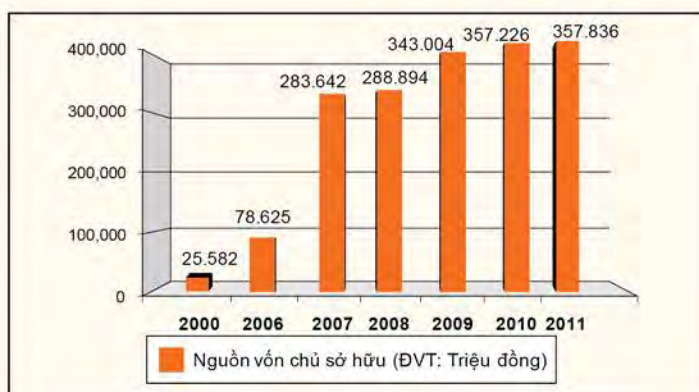
- Năm 2000: Công ty còn là DNNN (CPH ngày 13/12/2000).
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50% từ năm 2006 đến năm 2007 do niêm yết tại HoSE ngày 07/08/2006.
- Chi trả cổ tức bằng CP : năm 2007: 6%, năm 2009 : 9%
- Vốn chủ sở hữu năm 2007 tăng cao do phát hành thêm CP (thặng dư vốn: 151.118 triệu đồng).
- Lãi cơ bản trên CP = LNST / (Số lượng CP theo vốn điều lệ - số lượng CP ngân quỹ BQ)
- Giá trị CP trên sổ sách = Vốn chủ sở hữu / Số lượng CP lưu hành.
- Số liệu năm 2009 đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi từ vốn chủ sở hữu sang nợ ngắn hạn.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng cao do vì có khoản lợi nhuận từ việc nhận số tiền bồi thường giải tỏa Chi nhánh xăng dầu số 10 (góc Nguyễn Cư Trinh – Trần Hưng Đạo) 18.009.999.800 đồng và hoàn nhập dự phòng CP 11.132.393.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 thấp hơn so với năm 2010 do tình hình kinh doanh năm 2011 có nhiều khó khăn, chiết khấu bán lẻ có xu hướng giảm, các chi phí đều tăng (chi phí lãi vay ngân hàng, điện, nước,...) tuy nhiên Công ty vẫn đạt kế hoạch năm 2011.
- Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2011; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2008.



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

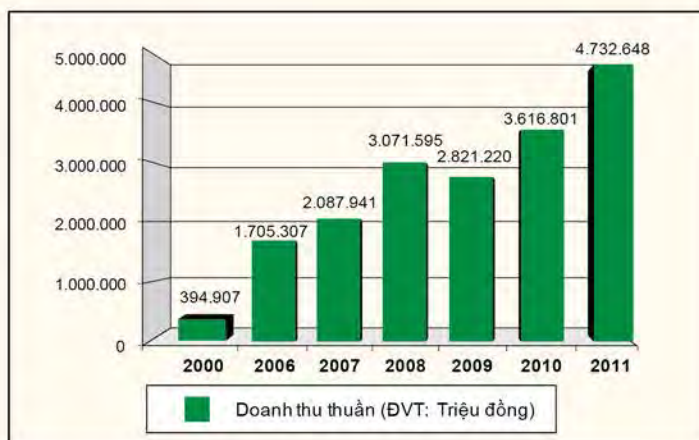
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU



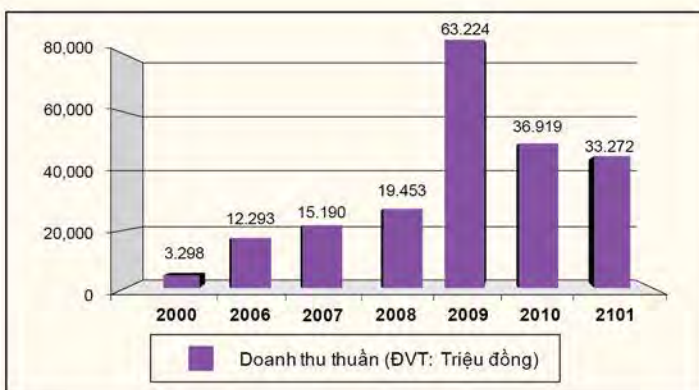
TỔNG TÀI SẢN



DOANH THU THUẦN



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



2.5. Thành tích đạt được trong những năm qua :

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam. Được tuyên dương “ Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011 ”.	Công đoàn Viên chức VN Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng CSVN và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000).	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010.	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là “ Tổ chức Đảng xuất sắc, tiêu biểu ” trong chương trình “Bình chọn và tôn vinh các tổ chức Đảng tiêu biểu” trong doanh nghiệp lần thứ nhất năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010.	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009.	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009) .	Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố.	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”.	Ủy ban nhân dân Thành phố
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương .	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển .	Ban Tuyên giáo Trung ương
2008	Huân chương Độc lập hạng ba.	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I.	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN.	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen .	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng .	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTEC) .	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất.	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai.	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba.	Hội đồng Nhà nước

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phân tích môi trường kinh doanh (SWOT)

ĐIỂM MẠNH (S)

1. **COMECO** có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 261.894 m², loa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 33 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu rộng khắp trên Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận; trên 20 ha đất ở Nhơn Trạch, Đồng Nai của Dự án Tổng kho Xăng dầu **COMECO**
2. Thương hiệu **COMECO** được định vị trên thương trường và cũng là thương hiệu mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. **COMECO** hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh phân phối bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau XI nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
3. Tinh hình tài chính lành mạnh, minh bạch. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 23%/năm (2001-2011).
4. Đội ngũ CBCNV nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của cách hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa **COMECO** ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn.

CƠ HỘI (O)

1. Tình hình chính trị trong nước ổn định, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp.
2. Các khu đô thị, khu công nghiệp của Thành phố phát triển nhanh.
3. Chính phủ triển khai quy hoạch phát triển hệ thống đường sắt đô thị và các sản phẩm xăng của Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025, sẽ là môi trường thuận lợi để COMECO triển khai đầu tư các sản phẩm hóa dầu tại 20 ha đất ở Nhơn Trạch, Đồng Nai.
4. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường.
5. Dự kiến đến năm 2015, xăng dầu "nội" cung cấp cho thị trường sẽ chiếm khoảng 50-60%; giá cả và nguồn cung xăng dầu sẽ thuận lợi hơn.

ĐIỂM YẾU (W)

1. Chưa chủ động được nguồn hàng và giá bán.
2. Thông tin thị trường, đối thủ và marketing đôi khi còn chậm.
3. Đầu tư nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển của COMECO.
4. Vĩ tinh hóa quản trị còn chậm.
5. Thông tin nội bộ đôi khi chưa thông suốt.

NGUY CO' (T)

1. Giá xăng dầu thế giới có xu hướng tăng cao và không ổn định, vốn cho kinh doanh tăng.
2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Nhiều khoản chi phí tăng cao, chiết khấu hoa hồng giảm mạnh sẽ làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.
3. Hạn chế phát triển của hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty phải điều chỉnh lại theo quy hoạch hoặc di dời.
4. Công tác quản lý kinh doanh xăng dầu của Nhà nước vẫn còn nhiều bất cập về giá cả, chất lượng,.... cơ chế chính sách kinh doanh xăng dầu chưa theo kịp thị trường.
5. Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu, tình hình thị trường sẽ ngày càng cạnh tranh quyết liệt.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4) + (O1, O2, O3, O4, O5)	→	Chiến lược tăng trưởng tập trung
(S2, S3, S4, S5) + (O1, O2, O3, O4, O5)	→	Chiến lược hội nhập

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1) + (O3, O4, O5)	→	Chiến lược tăng trưởng
(W3, W4) + (O2, O4)	→	Chiến lược Hệ thống Quản trị Chất lượng

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

→ Chiến lược đầu tư
(S1, S2, S4) + (T1, T2, T3)
→ Chiến lược Marketing
(S1, S2, S3, S4, S5) + (T3, T5)

PHỔI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3) + (T4, T5)	→ Chiến lược nguồn nhân lực
(W2, W3) + (T1, T2)	→ Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới



Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau :

2. Định hướng phát triển đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2020 : tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu; thực hiện Chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành: **“COMECO - Thương hiệu của chất lượng dịch vụ và Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)”**. Đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và Người lao động.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2016:

- Tiếp tục nâng cao thị phần bán lẻ xăng dầu; phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hàng năm tối thiểu 10%.
- Đầu tư mở rộng thêm tối thiểu 8 CNXD mới.
- Xây dựng hệ thống đại lý bán lẻ xăng dầu hiện nay từ 30 đại lý lên 60 đại lý.
- Xây dựng nhà máy pha chế dầu nhớt COMECO; các sản phẩm hóa dầu và có thể khai thác các ngành hàng khác dưới nhiều hình thức đầu tư tại 20 ha đất của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO ở Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Đầu tư công nghệ SXKD và quản lý theo hướng hiện đại, đặc biệt là đầu tư để kinh doanh nhiên liệu sạch.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, khai thác tối đa quỹ đất để phát triển SXKD.
- Đào tạo nguồn nhân lực đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển SXKD của Công ty.
- Bảo toàn và phát triển vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Duy trì và cải tiến HTQTCLTD. Đảm bảo an toàn cháy nổ tại các CNXD.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường; đồng thời để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược và các giải pháp thực hiện :

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
Chiến lược tăng trưởng tập trung	Nâng cao chất lượng dịch vụ	- Đảm bảo số lượng, chất lượng xăng dầu cung cấp theo quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. Giao hàng đúng thời gian. - Cung cấp và tư vấn đầy đủ thông tin về sản phẩm để khách hàng yên tâm sử dụng. Có các chương trình khuyến mãi phù hợp. - Hồ sơ, chứng từ mua bán đầy đủ, nhanh chóng, chính xác và đúng quy định. - Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, tỏ rõ sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán hàng. - Môi trường, cảnh quan tại các CNXD an toàn, sạch đẹp, đảm bảo an ninh trật tự và PCCC. - Đa dạng hóa các hình thức thanh toán.

	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng.	- Đầu tư phát triển hệ thống Chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như : mua, thuê đất xây dựng CNXD; mua hoặc thuê CHXD có sẵn,... - Giữ và phát triển đại lý; hợp tác kinh doanh; - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng.
Chiến lược tăng trưởng đa dạng hóa	Phát triển các giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	- Duy trì tốt dịch vụ cung cấp vật tư, dầu nhờn, rửa xe, thay nhớt, phiếu nhiên liệu, thẻ thanh toán,... - Khai thác các dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO.
Chiến lược hội nhập	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	- Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, khai thác dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai và mở rộng ngành nghề kinh doanh. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	- Tăng cường dịch vụ sau khi bán để giữ khách hàng. - Mở rộng thị trường bán sỉ, bán lẻ xăng dầu tại Tp.HCM và các tỉnh lân cận. - Mở rộng thị trường ra các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
Chiến lược chức năng	Đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng	- Đầu tư vào công nghệ thông tin để tăng cường cho công tác quản lý. - Cải tạo, nâng cấp và đầu tư các mặt bằng còn trống. - Tiếp tục đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình chi nhánh xăng dầu.
	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	- Huấn luyện, đào tạo để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và các bên có liên quan.
	Bảo toàn và phát triển vốn	- Huy động vốn. - Tìm tổ chức tín dụng để vay vốn với lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu.

Quan tâm lợi
ích của các
bên liên quan

- Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đầu tư hỗ trợ khách hàng.
- Nhà cung ứng: Có cơ hội bán được hàng nhiều hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác phát triển sản phẩm và dịch vụ mới cùng COMECO.
- Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển.
- Người lao động: Có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt; được quan tâm bảo vệ sức khỏe.
- Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội,...



Bà Trương Đức Hạnh Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty
tư vấn khách hàng về xăng E5 trong chương trình “Bán xăng sinh học E5 và
Ứng dụng thẻ thanh toán” nhân Kỷ niệm 36 năm thành lập Công ty,



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO (thứ 7 từ trái sang phải) trao thưởng cho CBCNV đạt thành tích trong năm 2011.



Cán bộ chủ chốt và Cán bộ trẻ công ty COMECO tham gia khóa đào tạo "Quản trị Thương hiệu và Tiếp thị cho Lãnh đạo"



Phần 2

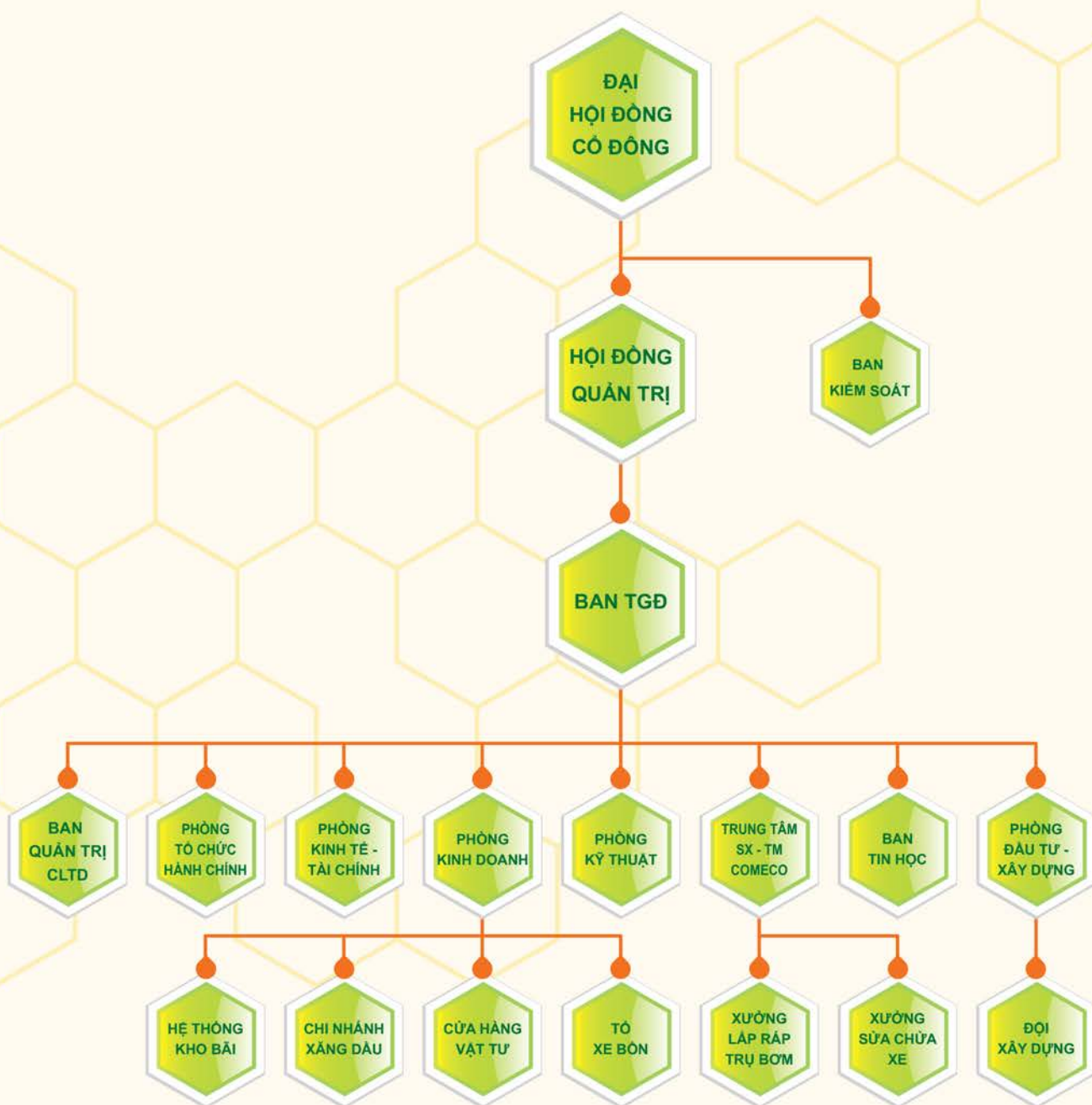
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- I. Cơ cấu tổ chức của Công ty**
- II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban TGĐ và BKS**
- III. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động**

Phần 2: *Tổ chức và nhân sự*

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



II. TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

1. HĐQT và Ban TGD :

Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – TGD



- Năm sinh : 13/12/1957
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân kinh tế (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân chính trị (Phân viện Tp.HCM –
Học viện Chính trị Quốc Gia)
- Thâm niên trong ngành : 31 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 31 năm (làm việc tại Công ty từ
02/1981 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 28 năm

Từ tháng 02/1981, Bà Trương Đức Hạnh là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế hoạch tháng 02/1984; giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch tháng 9/1986. Từ tháng 12/1986 đến 5/1999, Bà giữ chức Phó Giám đốc. Từ 5/1999, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc và từ tháng 12/2000 làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD cho đến ngày nay.

Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT – Phó TGD thường trực.



- Năm sinh : 13/11/1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Anh văn (ĐH Mở TP.HCM),
Cử nhân QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Ngoại thương (ĐH KT TP.HCM).
- Thâm niên trong ngành : 19 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 19 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993
đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 13 năm

Từ tháng 6/1993, Ông Lê Tấn Thương là nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu. Tháng 7/1996, Ông là nhân viên Phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh kiêm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh từ 12/2000. Từ tháng 1/2001, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT đến nay và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD. Từ tháng 02/2011 Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD thường trực cho đến nay.

Ông Huỳnh Nguyên Triệu : Ủy viên HĐQT – Phó TGD



- Năm sinh : 24/7/1953
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế (ĐH Bách Khoa
TP.HCM),
Trung cấp Chính trị (trường Đảng
Nguyễn Văn Cừ)
- Thâm niên trong ngành : 31 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 31 năm (làm việc tại Công ty từ 02/1981
đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 28 năm

Từ tháng 2/1981, Ông Huỳnh Nguyên Triệu là công nhân kỹ thuật. Năm 1983, Ông là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 2/1984 và giữ chức vụ Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị tháng 1/1993. Từ tháng 5/1999, Ông giữ chức Phó Giám đốc. Tháng 12/2000 Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT, Phó TGD cho đến nay.

Bà Trần Thị Hồng Linh : Phó TGD



- Năm sinh : 17/10/1959
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật TP.HCM),
Cử nhân Cao đẳng QTKD (ĐH Mở TP.HCM),
Trung cấp Lý luận chính trị (Trung tâm Giáo dục Chính trị TP. HCM).
- Thâm niên trong ngành : 34 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 34 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1978 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 15 năm

Từ tháng 4/1978, Bà Trần Thị Hồng Linh làm nhân viên Phòng Lao động – Tiền lương. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 7/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tháng 10/2000. Tháng 01/2001 đến tháng 4/2007 Bà được bầu làm Ủy viên HĐQT, từ tháng 3/2007 giữ chức vụ Phó TGD cho đến nay.

Ông Phạm Công Quyền : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Tài chính



- Năm sinh : 19/6/1963
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Tài chính (ĐH Kinh tế TP.HCM),
Cử nhân Ngoại thương (ĐH Kinh tế TP.HCM).
- Thâm niên trong ngành : 26 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 26 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 23 năm

Từ tháng 6/1986, Ông Phạm Công Quyền là nhân viên Kế toán Tổng hợp. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế toán tháng 6/1989. Từ tháng 12/2000 đến nay, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.

Ông Đinh Viết Thắng : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Kinh doanh



- Năm sinh : 16/3/1968
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD (ĐH Mở TP. HCM),
Cử nhân ngoại ngữ (ĐH Sư phạm TP.HCM),
Kỹ sư Tin học (ĐH Bách Khoa HN),
Cử nhân Kinh tế (ĐH Ngoại thương).
- Thâm niên trong ngành : 19 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 19 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1993 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 12 năm

Từ tháng 4/1993, Ông Đinh Viết Thắng là nhân viên Phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh tháng 9/2000. Từ tháng 12/2001, Ông được bầu làm Ủy viên BKS. Từ tháng 4/2005 được bầu làm Ủy viên HĐQT cho đến nay và giữ chức vụ Phó Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Kinh doanh cho đến nay.

2. Ban Kiểm Soát :

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành :

Bà Lê Khắc Hồng Lan : Trưởng BKS COMECO.



- Năm sinh : 11/5/1954
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính (ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội)
- Thâm niên trong ngành : 34 năm

Từ năm 1978 - 1979, Bà Lê Khắc Hồng Lan là chuyên viên Bộ Tài Chính. Từ năm 1979 đến 2010, Bà công tác tại Sở Tài Chính TP.HCM. Từ tháng 09/2010 Bà nghỉ hưu ở Sở Tài Chính TP.HCM và hiện nay làm việc tại Công ty Cổ phần Vincom. Tháng 12/2000 Bà được bầu làm Trưởng BKS COMECO đến nay.

Ông Nguyễn Hữu Hoàng : Ủy viên BKS - Phó Giám đốc Tài chính



- Năm sinh : 22/11/1976
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Kiểm toán (ĐH Kinh Tế TP.HCM)
- Thâm niên trong ngành : 13 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 12 năm (làm việc tại Công ty từ 10/2000 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 7 năm

Từ năm 1998 - 1999, Ông Nguyễn Hữu Hoàng công tác tại Trường Trung học Kỹ thuật nghiệp vụ Phú Lâm với vị trí Phụ trách phòng Kế toán. Từ tháng 10/2000, Ông Nguyễn Hữu Hoàng là nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu. Từ tháng 4/2005 giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính đến nay. Ông được bầu vào Ủy viên BKS từ tháng 4/2005 đến nay.

Ông Phạm Văn Khoa : Ủy viên BKS - Giám đốc Đầu tư



- Năm sinh : 05/5/1973
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, ĐH Bách Khoa TP.HCM.
- Thâm niên trong ngành : 15 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 13 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 9 năm

Từ năm 1997-1999, Ông Phạm Văn Khoa là nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng. Từ 7/1999, Ông là nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty COMECO. Sau đó, Ông được bổ nhiệm là Trưởng ban Xây dựng Cơ bản Công ty từ 7/2004. Từ tháng 4/2005 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư. Từ tháng 4/2006 Ông được bầu làm Ủy viên BKS cho đến nay.

III. SỐ LƯỢNG CBCNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2011

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2010		NĂM 2011		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LĐ	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LĐ	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5 (3/1)
I	Tổng số lao động	518		525		101
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	07	1,35	07	1,33	100
2	Đại học	50	9,65	53	10,09	106
3	Cao đẳng	19	3,67	20	3,80	105
4	Trung cấp	28	5,40	28	5,33	100
5	Cấp III	334	64,48	340	64,76	102
6	Cấp II	80	15,44	77	14,66	96
III	Chính trị :					
1	Đảng viên	35	6,76	41	7,80	117
2	Đoàn viên thanh niên	90	17,3	73	13,90	81
3	Đoàn viên Công đoàn	393	75,9	435	82,80	110
IV	Kinh nghiệm :					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	105	20,27	122	23,23	116
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	258	49,80	261	49,71	101
V	Độ tuổi :					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	262	50,58	268	51,04	102
2	NLĐ có tuổi đời từ 31 đến 40	133	25,68	129	24,57	97
3	NLĐ có tuổi đời từ 41 đến 50	44	8,49	46	8,76	105
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	79	15,25	84	16,00	110

- Quy hoạch và đào tạo được 8 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 49 cán bộ cho cấp phòng trở xuống, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch.
- Tiếp tục cử đi đào tạo 47 cử nhân, 7 cao đẳng và bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ các loại; bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc bộ phận, 01 Phó ban, 04 Trưởng Chi nhánh, 04 Phó Chi nhánh và nhiều cán bộ quản lý khác. Năm 2011, Công ty đã tổ chức đào tạo và cử đi đào tạo được 1.632 lượt người, đạt 167% kế hoạch năm.
- Xây dựng và điều chỉnh nhiều Quy chế và Quy định: Quy chế về quản lý công nợ, Quy định về kinh doanh bán hàng trả chậm,...
- Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Công cụ Nâng cao Năng suất Lao động "5S" được duy trì và liên tục cải tiến.
- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm, thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra tình hình thực hiện để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đảm bảo trật tự chung của Thành phố.
- Đời sống NLĐ được cải thiện. Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007.



Phần 3

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2011 và nhiệm kỳ III 5 năm (2007 - 2011)
- II. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2011
- III. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011
- IV. Các rủi ro lớn và biện pháp phòng ngừa
- V. Triển vọng và kế hoạch năm 2012

Phần 3: **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2011 VÀ NHIỆM KỲ III 5 NĂM (2007 - 2011)

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động nhiệm kỳ III 5 năm (2007 - 2011)

1.1. Kết quả hoạt động nhiệm kỳ III 5 năm (2007 - 2011)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2006	TH NĂM 2007	TH NĂM 2008	TH NĂM 2009	TH NĂM 2010	TH NĂM 2011	TỶ LỆ SO SÁNH (%)					
									TH 07/ TH 06	TH 08/ TH 07	TH 09/ TH 08	TH 10/ TH 09	TH 11/ TH 10	BQ 5 NĂM
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7(2/1)	8(3/2)	9(4/3)	10(5/4)	11(6/5)	12
1	Doanh thu thuần (chưa VAT)	Tr. đ	1.705.307	2.087.941	3.071.595	2.821.250	3.616.801	4.732.648	122	147	92	128	131	123
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	12.293	15.190	19.145	63.224	36.919	33.272	124	126	330	58	90	122
3	Các khoản nộp NS	Tr. đ	6.623	9.152	19.267	40.871	25.633	24.762	138	211	212	63	97	130
4	Cổ tức	%	18	15	15	20	18	18	83	100	133	90	100	17

Ghi chú:

- Năm 2007 thuế TNDN thuế suất là : 28%, Công ty còn trong thời gian được miễn giảm 50% thuế TNDN.
- Năm 2008 thuế TNDN thuế suất là : 28%,
- Năm 2009 thuế TNDN thuế suất là : 25%
- Khấu hao Tòa nhà COMECO là 50 năm bắt đầu tính từ tháng 09/2010.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng cao do vì có khoản lợi nhuận từ việc nhận số tiền bồi thường giải tỏa Cửa hàng xăng dầu số 10 (góc Nguyễn Cư Trinh – Trần Hưng Đạo) 18.009.999.800 đồng và hoàn nhập dự phòng cổ phiếu 11.132.393.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế 2011 thấp hơn 2010 là do chiết khấu bán lẻ/lít xăng dầu giảm; nhưng vẫn đạt kế hoạch năm 2011.
- Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2011; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2008.

Nhận xét :

So sánh một số chỉ tiêu sau nhiệm kỳ III 5 năm (2007 – 2011) các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế đều giữ được mức tăng trưởng bình quân khá cao lần lượt là 23% và 22%, các khoản nộp ngân sách tăng gần 4 lần so với năm 2006. Tuy năm 2011 tình hình kinh doanh có nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch năm 2011 do ĐHĐCĐ đề ra.

1.2. Mười sự kiện tiêu biểu của nhiệm kỳ III 5 năm (2007- 2011):

- Hoàn thành toàn diện và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân sau 11 năm CPH (2001-2011): **23%/năm**; sau 5 năm (2007-2011): **22%/năm**.
- Được Chủ tịch nước tặng **Huân chương Độc lập hạng III** tháng 12/2008.
- Nhận Giải thưởng **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương** do tổ chức **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (APQO)** tặng tại Mexico.
- **Đầu tư phát triển thêm hoạt động 8 CNXD mới** (CNXD số 29, 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38).
- **Khánh thành Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh; Công trình này đã được Liên đoàn Lao động Tp.HCM công nhận và gắn biển: **“Công trình Kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội”** vào ngày 09/8/2010.
- Ngày **02/4/2011** : Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà **COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;
- Triển khai ứng dụng thành công Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2004** và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp **OHSAS 18001:2007** được Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh đánh giá chứng nhận vào tháng 12/2009 trong toàn Công ty, kể cả hệ thống CNXD. Đồng thời, triển khai áp dụng **Công cụ Nâng cao Năng suất Lao động “5S”** vào quản lý trong toàn Công ty. Được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đánh giá chứng nhận tháng 11/2007.
- Công ty đạt Giải thưởng **Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2009, 2010** do Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM trao tặng.
- **Xếp hạng 219** trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 (VNR 500).
- Đảng bộ Công ty được **Thành ủy tuyên dương và tặng Cờ vì đã có thành tích: đạt tiêu chuẩn Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2005-2009)**; được Ban Tổ chức Trung ương – Ban Tuyên giáo Trung ương – Tạp chí Cộng sản bình chọn và trao Kỷ niệm chương cho Tổ chức Đảng tiêu biểu trong Chương trình **“Bình chọn và tôn vinh các Tổ chức Đảng tiêu biểu trong doanh nghiệp”** lần thứ I, được tổ chức vào ngày 28/8/2011 tại Nhà hát lớn Hà Nội.

2. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2011

2.1. Kết quả hoạt động năm 2011

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH 2000	TH 2010	KH 2011	TH 2011	TỶ LỆ (%)			
							TH 11/ TH 00	TH 11/ TH 10	TH 11/ KH 11	BQ 11 năm
A	B	C	1	2	3	4	5 (4/1)	6 (4/2)	7 (4/3)	8
1	Doanh thu thuần (chưa VAT)	Tr. đ	394.907	3.616.801	3.700.000	4.732.648	1.198	131	128	125
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	3.298	36.919	33.000	33.272	1.009	90	101	123
3	Các khoản nộp NS	Tr. đ	5.233	25.633	25.600	24.762	473	97	97	115
4	Cổ tức	%	-	18	15	18	-	100	120	16,27



Ghi chú:

Năm 2000: Công ty còn là DNNN (CPH ngày 13/12/2000).

- Khấu hao Tòa nhà COMECO là 50 năm bắt đầu tính từ tháng 09/2010.

- Lợi nhuận sau thuế 2011 thấp hơn 2010 là do chiết khấu bán lẻ/lit xăng dầu giảm; nhưng vẫn đạt kế hoạch năm 2011.

Nhận xét :

Sau 11 năm cổ phần hóa (2001 – 2011) Công ty đã đạt được nhiều kết quả hết sức khả quan : Doanh thu thuần năm 2011 đạt 4.732.648 tỷ đồng tăng gần 12 lần so với trước khi CPH năm 2000. Lợi nhuận sau thuế đạt 33,272 tỷ đồng tăng hơn 10 lần so với năm 2000, nộp ngân sách đạt 24,762 tỷ đồng tăng gần 5 lần so với năm 2000. Tốc độ tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế bình quân 11 năm lần lượt là 25% và 23%. Đây là mức tăng trưởng tương đối ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế bị khủng hoảng, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu ngày càng gay gắt.

2.2. Mười sự kiện tiêu biểu năm 2011

1. COMECO di dời trụ sở làm việc về Tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 02/4/2011.
2. Khai trương hoạt động 5 Chi nhánh Xăng dầu mới: CNXD số 29 tại quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh vào ngày 10/6/2011; CNXD số 38 tại Cần Giuộc, Long An hoạt động từ ngày 16/9/2011; Khai trương CNXD số 35 ở Madagui ngày 25/11/2011 và CNXD số 36, 37 ở tỉnh Bến Tre ngày 07/01/2012.
3. Ngày 13/12/2011 – Chào mừng kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty, COMECO triển khai bán xăng sinh học E5 và dịch vụ thanh toán qua thẻ trong hệ thống Chi nhánh Xăng dầu: Ban lãnh đạo Công ty trực tiếp đi đến các CNXD tặng quà, phát cẩm nang sử dụng xăng sinh học E5 và giải đáp thắc mắc của khách hàng.
4. Sơ, tổng kết (2 đợt) phong trào thi đua: “Cửa hàng xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn” và chấm điểm thi đua dịch vụ kinh doanh rửa xe tại các CNXD, với mục tiêu đưa thêm mảng xanh vào các CHXD, góp phần vào việc thực hiện phong trào “Bảo vệ môi trường và thực hiện nếp sống văn minh, về đẹp mỹ quan đô thị của Thành phố” vào tháng 9/2011 và tháng 12/2011.
5. Có 03 Sáng kiến và 84 Giải pháp mới đã được công nhận và khen thưởng kịp thời.
6. Lãnh đạo COMECO tổ chức gặp gỡ, đối thoại cùng TN với chủ đề:
Lần 1: “Chung sức trẻ – Xây dựng Đại gia đình COMECO” vào tháng 3/2011.
Lần 2: “Sức trẻ COMECO – Tự hào và trách nhiệm” vào tháng 12/2011.
7. Được nhận Giải thưởng báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010.
8. Đảng bộ COMECO được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu xuất sắc năm 2011.
9. Đảng bộ Công ty được Ban Tổ chức Trung ương - Ban Tuyên giáo Trung ương - Tạp chí Cộng sản bình chọn và trao kỷ niệm chương cho Tổ chức Đảng tiêu biểu trong Chương trình “Bình chọn và tôn vinh các tổ chức Đảng tiêu biểu trong doanh nghiệp” lần thứ I, được tổ chức vào ngày 28/8/2011 tại Nhà hát lớn Hà Nội.

10. Dịch vụ của COMECO nằm trong “Top 100 sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng” năm 2011 và được Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ, ngành liên quan tuyên dương tại Lễ tôn vinh được tổ chức vào ngày 25/12/2011 tại Hà Nội.
- Xếp hạng 219 trong Top 500 DN lớn nhất Việt Nam năm 2011 (VNR 500).**

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH 2011

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	TỶ LỆ % TH/KH
A	B	C	1	2	3 (2/1)
1	Doanh thu (chưa VAT)	Tr. đ	3.700	4.732	128
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	33	33,272	101

Năm 2011 mặc dù nền kinh tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty COMECO đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2011; tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế bình quân sau 11 năm cổ phần hóa (2001-2011): 23,38%/năm; sau nhiệm kỳ III 5 năm (2007 - 2011) : 22%/ năm. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục khai thác có hiệu quả Cao ốc Văn phòng COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM với công suất sử dụng 80% (8/10 tầng) và đã đưa vào hoạt động 5 CNXD tại các quận Bình Tân Tp.HCM (CN 29), Huyện Đạ Huoai Tỉnh Lâm Đồng (CN 35), Tỉnh Bến Tre (CN 36, 37) và Tỉnh Long An (CN 38).

Bên cạnh đó, để hoàn thành kế hoạch năm 2011 toàn thể Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã nỗ lực, phấn đấu hết mình bằng việc khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh và tích cực tiết kiệm các khoản chi phí không cần thiết.

III. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2011

1. Về đầu tư

Năm 2011, COMECO đã đầu tư **19.476.628.272** đồng để đầu tư các hạng mục công trình sau :

- Tổng kho : Gia cố bờ kè, đổ đất san lấp giai đoạn 2...	833.105.460 đ
- Tòa nhà COMECO: Hệ thống XLNT, nội thất tầng 7,8,9...	1.592.059.000 đ
- CNXD số 29 :	337.867.706 đ
- CNXD số 35 :	1.892.632.694 đ
- CNXD số 38 :	7.014.050.336 đ
- CNXD số 36 :	1.343.177.339 đ
- CNXD số 37 :	6.463.735.737 đ

2. Về khách hàng

- Triển khai kinh doanh mặt hàng xăng sinh học E5 với phương châm kinh doanh vì “Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”.
- Triển khai hình thức thanh toán xăng dầu qua thẻ hợp tác OCEANBANK.
- Phong trào thi đua giới thiệu khách hàng mới được duy trì thường xuyên. Do đó, năm 2011 có thêm 66 khách hàng mới với số lượng tiêu thụ tương đối ổn định.



IV. CÁC RỦI RO LỚN VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

1. Rủi ro kinh tế :

Năm 2012, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, bất ổn : khủng hoảng chính trị tại các nước Bắc Phi (cụ thể ở Iran, Lybi, Syria) đẩy giá dầu lên cao do lo ngại nguồn cung bị hạn chế. Khủng hoảng nợ công tại một số nước trong liên minh Châu Âu EU như Hy Lạp, Bồ Đào Nha vẫn chưa có dấu hiệu ngừng lại,... Chính phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp quyết liệt để giải quyết những bất ổn trong nền kinh tế. Biến động của thị trường bất động sản và chứng khoán ảnh hưởng đến nền kinh tế. Lãi suất cho vay vẫn ở mức cao làm cho các doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc phá sản. Hơn thế nữa, giá xăng dầu trên thị trường thế giới biến động phức tạp, có xu hướng tăng. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với COMECO là tương đối cao.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển bền vững, COMECO vẫn tiếp tục phát huy các thế mạnh của mình, đồng thời mở rộng sản xuất kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển Thương hiệu và Văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật :

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

Hướng tới việc mở cửa thị trường xăng dầu, Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm ổn định đầu mối nhập khẩu, ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo dự trữ, bình ổn giá xăng dầu trong nước và không bù lỗ cho các doanh nghiệp đầu mối nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ :

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.



V. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. Dự báo tình hình

1.1. Dự báo tình hình chung

- Suy thoái kinh tế vẫn còn tác động mạnh khiến nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó các yếu tố như lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi vay vẫn duy trì ở mức cao. Thị trường chứng khoán kênh huy động vốn của doanh nghiệp vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc. Tình hình chiếm dụng vốn lẫn nhau của các doanh nghiệp vẫn có xu hướng gia tăng,...
- Chính sách thắt chặt tài chính, tiền tệ và cắt giảm đầu tư công của Chính phủ tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh xăng dầu, bởi vì các doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay, đầu tư giảm dẫn đến ít sử dụng xăng dầu.
- Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu, tình hình thị trường sẽ ngày càng cạnh tranh quyết liệt.
- Chính phủ sẽ cải cách và tái cơ cấu mạnh mẽ nền kinh tế trong quá trình thực hiện 3 đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 – 2020 (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ). Đây vừa là cơ hội, đồng thời cũng là thách thức đối với COMECO trong thời kỳ nền kinh tế chưa ổn định này.
- Trong lộ trình Chính phủ triển khai quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025, sẽ là môi trường thuận lợi để COMECO triển khai đầu tư sử dụng hơn 20 ha đất (mặt tiền sông Sài Gòn) tại Nhơn Trạch, Đồng Nai sao cho có hiệu quả nhất.

1.2. Dự báo đối với Công ty năm 2012

- Giá xăng dầu thế giới tiếp tục tăng (dự kiến năm 2012 trung bình khoảng 97,7 USD/thùng). Chiết khấu hoa hồng từ kinh doanh xăng dầu giảm mạnh do Nhà nước có thay đổi các chính sách về quản lý kinh doanh xăng dầu.
- Cơ chế kinh doanh xăng dầu trong nước chưa phù hợp với cơ chế thị trường.
- Nhà nước sẽ đẩy mạnh kinh doanh các loại xăng có chất lượng cao, nhiên liệu sạch để đáp ứng nhu cầu của các loại xe đời mới. Vì vậy Công ty cũng phải có sự thay đổi công nghệ cho phù hợp.
- Mặc dù UBND Tp. Hồ Chí Minh đã tạm thời cho các CHXD nằm trong phụ lục 2 - Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2007 tiếp tục được kinh doanh, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có Quyết định thay thế hoặc hướng dẫn cụ thể cho việc sửa chữa, di dời hoặc cải tạo các CHXD này. Vì vậy, phải dự phòng việc thu hẹp mặt bằng và chi phí đầu tư sửa chữa sẽ tăng rất cao.
- Nhiều khoản chi phí tăng cao như chi phí cho giá vốn mua hàng, tiền thuê đất của Nhà nước, chi phí điện, nước,...

- Lộ trình tăng lương tối thiểu của Nhà nước sẽ làm cho nhiều khoản chi phí của Doanh nghiệp tăng cao như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thành phố phát triển vận tải hành khách công cộng, hạn chế xe cá nhân lưu thông trong Thành phố.
- Các quy định, luật mới về Môi trường, PCCC, sức khỏe nghề nghiệp,... làm tăng các chi phí cải tạo, sửa chữa,... sao cho phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước.

2. Kế hoạch năm 2012

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tối thiểu 10%/năm.
- Xây dựng và đưa vào hoạt động tối thiểu 2 CNXD mới.
- Khai thác tối đa công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho CBCNV.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường.
- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự và an toàn cháy nổ tại đơn vị để phát triển sản xuất kinh doanh và góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội.
- Duy trì HTQTCLTD (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007). Phấn đấu không có điểm không phù hợp trong đánh giá định kỳ năm 2012.



Khai trương CNXD số 37 ở tỉnh Bến Tre ngày 07/01/2012



Phần 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2011 và nhiệm kỳ III 5 năm (2007 – 2011)
- II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011
- III. Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2011
- IV. Kế hoạch phát triển năm 2012

Phần 4: **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2011 VÀ NHIỆM KỲ III 5 NĂM (2007 – 2011)

1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	TH 2006	TH 2007	TH 2008	TH 2009	TH 2010	TH 2011	TỶ LỆ (%)					
									2007/ 2006	2008/ 2007	2009/ 2008	2010/ 2009	2011/ 2010	BQ 5 NĂM
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7 (2/1)	8(3/2)	9(4/3)	10(5/4)	11(6/5)	12
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	1.705.307	2.087.941	3.071.595	2.821.220	3.616.801	4.732.648	122	147	92	128	131	123
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	12.293	15.190	19.453	63.224	36.919	33.272	124	128	325	58	90	122
3	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đ	78.625	283.642	288.894	343.004	357.226	357.836	361	102	119	104	100	135
4	Tổng tài sản	Tr.đ	146.532	332.380	330.015	470.582	464.327	448.555	227	99	143	99	97	125
5	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	94.701	239.145	231.462	347.878	265.481	230.217	253	97	150	76	87	119
6	Nợ phải trả	Tr.đ	67.907	48.738	41.122	127.578	107.101	90.720	72	84	310	84	85	106
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	59.708	41.586	34.656	122.159	101.427	85.710	70	83	352	83	85	108
8	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đ	18.597	116.790	97.497	19.611	22.936	38.142	628	83	20	117	166	115
9	Tỷ suất lợi nhuận													
9.1	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản (2/4)	%	8,39	4,57	5,89	13,44	7,95	7,42	54	129	228	59	93	98
9.2	Tỷ suất LNST / Doanh thu (2/1)	%	0,72	0,73	0,63	2,24	1,02	0,70	101	87	354	46	69	100
9.3	Tỷ suất LNST / Vốn chủ SH (2/3)	%	15,64	5,36	6,73	18,43	10,33	9,30	34	126	274	56	90	90
10	Khả năng thanh toán													
10.1	Khả năng thanh toán hiện hành (4/6)	Lần	2,16	6,82	8,03	3,69	4,34	4,94	316	118	46	118	114	118
10.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (5/7)	Lần	1,59	5,75	6,88	2,85	2,62	2,69	363	116	43	92	103	111
10.3	Khả năng thanh toán nhanh (8/7)	Lần	0,31	2,81	2,81	0,16	0,23	0,45	902	100	6	141	197	107

Ghi chú :

- Số liệu đã kiểm toán đến hết năm 2011.
- Kiểm tra thuế đến hết năm 2008.

Nhận xét chung :

Năm 2011 tiếp tục là một năm nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu nhiều biến động. Bất ổn chính trị ở các nước Châu Phi khiến tình hình xăng dầu thế giới có nhiều biến động do lo ngại về nguồn cung bị ảnh hưởng, môi trường kinh doanh ngày càng gay gắt, có lúc lẫn gộp xăng dầu rất thấp không đủ bù đắp chi phí, các công trình cải tạo môi trường của Thành phố gây ùn tắc giao thông ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Thị trường chứng khoán có nhiều bất ổn. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả tốt thông qua chỉ tiêu Doanh thu năm 2011 đạt 131% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 đạt 90% so với năm 2010 (so với kế hoạch năm 2011 đạt 101%).

Mặc dù tổng tài sản năm 2011 đạt 97% so với năm 2010 nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn tốt và ổn định. Trong năm 2011, mọi chi phí đều tiếp tục tăng cao đặc biệt là chi phí lãi vay, do đó Công ty đã trả nợ vay ngân hàng để giảm tỉ lệ nợ vay xuống, làm cho chỉ tiêu nợ ngắn hạn đạt 85% so với năm 2010. Đây là nguyên nhân chính làm cho Tổng tài sản của Công ty giảm.

Vốn chủ sở hữu đạt 357,8 tỷ đồng, tăng 0,17 % so với năm 2010; tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản đạt 7,42 %, bằng 93% so với năm 2010; tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu đạt 0,70% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu đạt 9,3%. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 2.420 đồng/cp bằng 89,73% so với năm 2010.

Công ty luôn duy trì được khả năng thanh toán ở mức cao được thể hiện qua các chỉ số khả năng thanh toán năm 2011 so với năm 2010.

Nhìn chung các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đều ổn định, bền vững tuy tăng trưởng không bằng các năm trước nhưng có tăng trưởng chậm và chắc. Bên cạnh đó Công ty không phát sinh các khoản nợ xấu, nợ khó đòi, không có rủi ro tiềm ẩn và hoạt động tốt trong điều kiện suy thoái kinh tế và lạm phát.

2. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh :

- Trong khu vực Tp.HCM Công ty chiếm lĩnh thị phần bán lẻ xăng dầu đứng hạng thứ nhì sau Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu trực thuộc Petrolimex.
- Hệ thống CNXD của COMECO với 33 Cửa hàng có quy mô lớn, diện tích rộng, tọa lạc ở những vị trí đắc địa tại các Quận, Huyện trong nội thành.
- Là đơn vị tiên phong trong việc tích hợp 3 Hệ thống ISO 9001:2008, ISO 14001: 2004, OHSAS 18001:2007 và Công cụ 5S trong toàn bộ hệ thống CNXD.

3. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến :

- Kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán liên tục sụt giảm, giá xăng dầu thế giới biến động bất thường ngoài dự đoán, giá xăng dầu trong nước không điều chỉnh theo tốc độ tăng giá của thế giới ảnh hưởng nhiều đến kinh doanh và đầu tư của Công ty. Đặc biệt trong năm 2011 có những tháng thù lao giảm xuống rất thấp (khoảng 200đ/lít, thu không đủ bù chi) gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Nhiều khoản chi phí trong năm 2011 tiếp tục tăng cao.

4. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31-12-2011:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{357.835.518.719 \text{ đ}}{13.750.875 \text{ cp}} = 26.023 \text{ đ/cp}$$

5. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp :

6. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 14-02-2012 :

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHÉ CHUYÊN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	12.453.410	
2	Cổ phiếu quỹ	369.753	
3	Cổ phiếu ESOP	476.775	
	Đợt 1 : Phát hành cho năm tài chính 2006	100.000	4 năm (23/1/2008 → 23/1/2012)
	Đợt 2 : Phát hành cho năm tài chính 2007	146.775	3 năm (01/8/2008 → 01/8/2011)
	Đợt 3 : Phát hành cho năm tài chính 2008	172.000	3 năm (06/7/2009 → 06/7/2012)
	Đợt 4 : Thường cổ phiếu ESOP năm 2010	58.000	3 năm (29/5/2010 → 29/5/2013)
4	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược	820.690	
	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành tại thời điểm 31-12-2010: **13.750.875 cp**

8. Số lượng cổ phiếu quỹ : 369.753 cp

9. Cổ tức đã chi trong năm 2011 : 12 % bằng tiền mặt : 16.501.050.000 đồng

- Đợt 3 năm 2010 : 3 % cổ tức bằng tiền : 4.125.262.500 đồng, ngày chi : 06/07/2011
- Đợt 1 năm 2011 : 3 % cổ tức bằng tiền : 4.125.262.500 đồng, ngày chi : 06/07/2011
- Đợt 2 năm 2011 : 6 % cổ tức bằng tiền : 8.250.525.000 đồng, ngày chi : 04/01/2012



II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

1. Tình hình chung:

1.1. Giá xăng dầu liên tục biến động, nguồn cung xăng dầu những tháng đầu năm khan hiếm; chiết khấu hoa hồng giảm rất mạnh (trong quý 1/2011 chỉ hơn 100 đồng/lít xăng dầu; hiện nay cũng khoảng 200 đồng/lít).

1.2. Lạm phát có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao; Nhà nước điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng chính yếu như điện, xăng dầu; lương tối thiểu vùng tăng; lãi suất cho vay tăng cao, dẫn đến nhiều khoản chi phí đầu vào tăng cao như: Chi phí về điện, nhiên liệu, lãi suất vay ngân hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất ngân hàng tăng cao nên hoạt động của nhiều doanh nghiệp kém hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động SXKD.

1.4. Tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế chậm, tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2010 (5,57%/7%) nên ảnh hưởng nhiều đến sản lượng xăng dầu bán ra của Công ty.

1.5. Cuối tháng 4/2011, Công ty mất đi Chi nhánh Xăng dầu số 10 - một chi nhánh kinh doanh chủ lực và hiệu quả của Công ty (theo chủ trương của Thành phố).

1.6. Thực hiện Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2007 của UBND Thành phố, Công ty phải đầu tư sửa chữa, nâng cấp các CNXD cho phù hợp theo yêu cầu, nên chi phí sửa chữa tăng cao.

1.7. Các thủ tục về quản lý đầu tư của Nhà nước chậm được cải tiến nên việc phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu của Công ty cũng gặp khó khăn.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011

- *Tình hình kinh doanh năm 2011 có nhiều khó khăn khách quan tác động như trên, nhưng với tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và tinh thần vượt khó, Công ty vẫn duy trì kinh doanh ổn định:*

- + Tốc độ phát triển bình quân 23,38%/năm sau 11 năm CPH và 22% sau nhiệm kỳ III 5 năm (2007 - 2011).
- + Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh.
- + Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích Nhà nước, cổ đông và Người lao động.
- + Bắt đầu triển khai bán dầu nhớt Total (thay cho dầu nhớt ESSO).
- + Đầu tư và hợp tác mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu: Phát triển thêm được 5 CNXD mới.
- + Về khai thác kinh doanh Tòa nhà COMECO: đến nay, Tòa nhà COMECO đã được khai thác 80% công suất (8/10 tầng); đã thực hiện dịch vụ giữ xe, quảng cáo trong thang máy, cho thuê đặt máy ATM.
- + Tổng kho Xăng dầu COMECO: Đầu tư gia cố bờ kè, đổ đất san lấp giai đoạn II; thực hiện xong việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. HĐQT Công ty đã thông qua chủ trương xây dựng Nhà máy sản xuất dầu nhớt tại đất Tổng kho này.
- + Tổ chức đào tạo và cử đi đào tạo được 1.632 lượt người, đạt 167% kế hoạch năm.
- + Hệ thống QTCLTD được duy trì và cải tiến, kết quả đánh giá định kỳ của BVC: Hệ thống hoạt động tốt, tiếp tục được duy trì.
- + Thực hiện tốt chính sách đối với cộng đồng và xã hội.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2011

1. Đầu tư và đưa vào hoạt động 5 CNXD mới (CN số 29, 35, 36, 37 và 38).
2. Xây dựng nhiều Quy chế và Quy định về quản lý, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: Quy chế hoạt động của Đội Bảo vệ Tòa nhà; Quy định về đào tạo; Quy định đối với NLĐ đi thi hành NVQS,...
3. Có 87 Sáng kiến, Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời; đã, đang và sẽ triển khai áp dụng.
4. Công tác quản lý công nợ được cải tiến, các Quy định về quản lý bán hàng, quản lý công nợ đã được chỉnh sửa cho phù hợp.
5. Triển khai bán xăng sinh học E5 và dịch vụ thanh toán qua thẻ trong hệ thống CNXD : Ban lãnh đạo Công ty trực tiếp đi đến các CNXD tặng quà, phát cắm nang sử dụng xăng sinh học E5 và giải đáp thắc mắc của khách hàng.
6. Dịch vụ của COMECO nằm trong “Top 100 sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng” năm 2011 và được Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ, ngành liên quan tuyên dương tại Lễ tôn vinh được tổ chức vào ngày 25/12/2011 tại Hà Nội.
7. Phong trào thi đua: “Cửa hàng xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn” và chấm điểm thi đua dịch vụ kinh doanh rửa xe tại các CNXD, với mục tiêu đưa thêm mảng xanh vào các CNXD, góp phần vào việc thực hiện phong trào “Bảo vệ môi trường và thực hiện nếp sống văn minh, về đẹp mỹ quan đô thị của Thành phố” đã đạt được kết quả tốt đẹp, các CNXD đều có “mảng xanh” và luôn sạch sẽ.
8. Duy trì thường xuyên việc xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO. Việc nói lời “cảm ơn” khách hàng (kể cả khách hàng nội bộ) đã có nhiều tiến bộ và được khách hàng đánh giá cao.
9. Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc bộ phận, 01 Phó ban, 04 Trưởng Chi nhánh, 04 Phó Chi nhánh và nhiều cán bộ quản lý khác.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2012

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2012

- Doanh thu (chưa VAT) : 5.200 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 33 tỷ đồng

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Mở rộng và phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu (đây là nhiệm vụ trọng tâm và then chốt). Giữ vững và phát triển hệ thống đại lý xăng dầu, mở rộng các khách hàng công nghiệp ra vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Duy trì phong trào giới thiệu khách hàng mới, giới thiệu địa điểm cây xăng mới. Tăng cường bán phiếu nhiên liệu.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách duy trì tốt Quy trình bán hàng.
- Khai thác có hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận chuyển của xe bồn.
- Cải tiến mẫu mã và nâng cao chất lượng trụ bơm điện tử COMECO.
- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là phát triển các ngành nghề có tính tương hỗ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- Phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi.
- Duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản trị của Công ty.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Đầu tư để xây dựng thêm CNXD mới. Việc phát triển Chi nhánh Xăng dầu không chỉ để phục vụ kinh doanh đơn thuần, mà còn phải chuẩn bị để chủ động hội nhập khi Nhà nước mở cửa cho những công ty nước ngoài vào Việt Nam kinh doanh bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư thiết bị và quy trình công nghệ để kinh doanh nhiên liệu sạch.
- Từng bước đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao.
- Hoàn thiện dự án tin học nhằm nâng cao tự động hóa trong quá trình công nghệ và quản lý.
- Đầu tư nâng cấp, xây dựng một số mặt bằng để tiếp tục đưa vào kinh doanh và liên kết kinh doanh.
- Áp dụng các Giải pháp mới để tiết kiệm. Duy trì tốt các phong trào thi đua.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng CNXD theo quy hoạch của Thành phố (Quyết định 39/2007/QĐ-UB ngày 06/3/2007 của UBND Thành phố) hoặc chủ động chuyển hướng kinh doanh để nâng cao hiệu quả.
- Đầu tư hỗ trợ cho khách hàng để giữ và thu hút khách hàng, đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty, đặc biệt là hệ thống đại lý xăng dầu của COMECO theo khả năng của Công ty.
- Thực hiện các bước tiếp theo của “Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO” :
 - + Thực hiện thủ tục thuê mặt nước.
 - + Thực hiện thủ tục xin sử dụng phần đất 3 ha bồi lắng phía trước mặt sông.
 - + Tiếp tục phát hoang, san lấp bằng đất phần diện tích còn lại.
 - + Làm hàng rào phân ranh và bảo vệ đất.
 - + Triển khai dự án sản xuất dầu nhờn 10.000 tấn/năm.
 - + Thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án.
 - + Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

2.3. Nhóm giải pháp về lao động và tiền lương

- Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật để nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt kịp thời các tư tưởng kinh doanh mới; huấn luyện đội ngũ nhân viên để nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các quy định về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.
- Xem xét, chỉnh sửa, bổ sung các quy định về quy hoạch, đào tạo và chính sách đào tạo.
- Duy trì, cải tiến và mở rộng việc kiểm tra kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ.
- Có chính sách khai thác tiềm năng trong nội bộ, phát huy tối đa sáng kiến, ý tưởng mới của toàn thể CBCNV Công ty. Khen thưởng động viên kịp thời. Ứng dụng các biện pháp cải tiến và biện pháp tiết kiệm để giảm chi phí.
- Tăng cường thông tin nội bộ, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm.
- Phát triển Văn hóa COMECO, đặc biệt là văn hóa ứng xử.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ.
- Duy trì và phát triển các phong trào chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; phong trào phát ý tưởng mới (SK, GPM,...).
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng chuyên sâu; thành lập thêm các bộ phận chuyên môn phù hợp chiến lược phát triển của Công ty. Tái cấu trúc hoạt động của Tổ tiếp thị.
- Sử dụng vốn hiệu quả, kể cả vốn vay (nếu có).
- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2012, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn còn nhiều biến động khó lường, giá cả xăng dầu sẽ thường xuyên thay đổi. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của doanh nghiệp, nhất định tập thể CBCNV Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.



Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty COMECO (ở giữa)
tặng quà cho nhóm đạt Giải nhất tại Hội Thảo
"Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm tại COMECO"



Phần 5

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Kiểm toán độc lập

II. Báo cáo của Ban kiểm soát

Phần 5: *BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

I. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Tên đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
- Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Quận 01, Tp.Hồ Chí Minh.
- Kiểm toán viên chính thức thực hiện : Nguyễn Anh Tuấn.
- Công ty Kiểm toán trên đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty và không có ý loại trừ hoặc các nhận xét đặc biệt nào.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban điều hành định kỳ của TGD, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Phối hợp với Ban điều hành để thực hiện chức năng kiểm tra giám sát hoạt động của các phòng ban Công ty theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thường xuyên theo dõi, rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm bảo đảm sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty. Kiểm tra giám sát các quy định nội bộ hiện hành để kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và các quy định của Luật doanh nghiệp.
- Chú trọng tổ chức thu thập thông tin và kiểm tra xác minh thông tin một cách cẩn trọng, phân tích đánh giá kỹ lưỡng đảm bảo tính xác thực, để tránh những trường hợp không phù hợp pháp luật và tránh tiềm ẩn rủi ro.
- Hàng quý tổ chức họp BKS, soát xét báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống nhất nhận định đánh giá và xác định trọng tâm nhiệm vụ kiểm soát quý sau.

2. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát:

2.1. Về công tác kế toán – tài chính:

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định như kê khai thuế đúng định kỳ, báo cáo tài chính quý, năm đúng thời gian, nộp ngân sách kịp thời đầy đủ, thực hiện việc xác nhận và kiểm soát công nợ đúng theo quy chế đề ra, các số liệu kế toán được cập nhật nhanh chóng, trung thực chính xác, khoa học nên việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng theo quy định của Nhà nước.
- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.



- Trong nhiệm kỳ, BKS chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các quy định nêu trong Điều lệ. Không có phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty cũng như tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật doanh nghiệp, các luật khác quy định giữa cổ đông với HĐQT, BKS, TGD điều hành.
- Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính đã được HĐQT báo cáo trước Quý vị cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

2.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD :

Trong năm qua, suy thoái kinh tế thế giới tiếp tục tác động không tốt đối với các Doanh nghiệp Việt Nam, COMECO cũng không thể tránh khỏi. Tình hình kinh tế trong nước và thế giới những năm qua, cũng như dự báo thời gian tiếp theo cho thấy những biến động phức tạp khó lường, đã và sẽ tạo ra không ít thách thức, khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung, COMECO nói riêng. Tình hình xăng dầu thế giới liên tục biến động tăng, giảm, nguồn cung xăng dầu không ổn định và nhiều khó khăn khách quan khác đã tác động đến hoạt động của Công ty.

Trước bối cảnh đó, trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu chưa phục hồi Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định và giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần ổn định giá cả thị trường, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tăng cường huy động các nguồn lực sẵn có và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đó.

Trong điều kiện hết sức khó khăn để đạt được những kết quả như trên, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực, quyết định kinh doanh phù hợp, kịp thời nhạy bén để giảm thiểu rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

HĐQT đã đề cao trách nhiệm trước Cổ đông, làm tốt công tác dự báo tình hình kinh doanh và các hoạt động khác. Tuy đối mặt với các khó khăn, nhưng với tinh thần vượt khó, đề cao tính chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm, HĐQT và Ban TGD Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó. HĐQT và Ban TGD đã thực hiện đúng nguyên tắc, đúng pháp luật, có cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ phận phòng ban của Công ty cũng như ngoài xã hội để đưa Công ty ngày càng phát triển và có thương hiệu vững chắc trên thương trường.

Để đạt được thành tích đáng tự hào như trên, ngoài sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng, các đối tác, khách hàng; còn là sự nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty. Chúng ta tự hào vào sức mạnh đoàn kết của tập thể COMECO, vào nội lực của toàn thể CBCNV, đó là ý nghĩa rất quan trọng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Các nội dung và số liệu báo cáo của BKS trước Quý vị Cổ đông ngày hôm nay đã được thực hiện kiểm toán độc lập, theo đúng quy định, đúng thẩm quyền và trách nhiệm của BKS.

Kính báo ĐHĐCĐ. Xin cảm ơn, kính chúc quý Cổ đông mạnh khỏe, thành công và hạnh phúc.

BAN KIỂM SOÁT

ỦY VIÊN

Nguyễn Hữu Hoàng

ỦY VIÊN

Phạm Văn Khoa

TRƯỞNG BAN

Lê Khắc Hồng Lan



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Bà Nguyễn Thị Thu Hà Ủy viên Trung ương Đảng - Phó Bí thư Thành ủy TP. HCM
và đại diện các tổ chức Đảng tiêu biểu của TP. HCM tại
Lễ tôn vinh các Tổ chức Đảng tiêu biểu trong Doanh nghiệp lần thứ I
(Bà Trương Đức Hạnh - Bí thư Đảng bộ COMECO đứng thứ 3 từ phải sang)



Bà Trương Đức Hạnh cùng các thế hệ Lãnh đạo trước của COMECO
trong buổi Lễ kỷ niệm 36 năm thành lập Công ty



Phần 6

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Phần 6:

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần / vốn góp của Công ty : Không có
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do Công ty nắm giữ : Không có
3. Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan :

3.1. Đầu tư mua cổ phiếu tại các công ty cổ phần:

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2011

(Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	CMV	196.350					196.350	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	3.720					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	275.790	3.500	88.900			279.290	7.108.897
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	101.110	75.832	758.320			176.942	3.989.625
5	Cty cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	321.000					321.000	18.189.500
6	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn	SSI	162.000					162.000	6.169.700
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
8	Cty cp Bến xe Miền Tây	WCS	44.300					44.300	775.250
9	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
10	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
11	Cty cp VT XD Petec		26.990					26.990	272.599
12	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
13	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec			99.675	2.093.175			99.675	2.093.175
14	Cty Cp XD Dầu khí Sài Gòn			200.000	2.000.000			200.000	2.000.000
	TỔNG CỘNG		2.641.225	379.007	4.940.395			3.020.232	62.315.031

Ghi chú :

Cách hạch toán khi bán cổ phiếu :

- Giá vốn : giá mua cổ phiếu tính theo giá bình quân
- Giá bán : giá thị trường tại thời điểm giao dịch

3.2. Tình hình về các công ty đã niêm yết mà COMECO đầu tư :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CMV	HAX	LGC	PMS	PNJ	SSI	TMC	WCS
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Doanh thu thuần	Tr đ	4.239.253	949.512	179.950	666.206	17.967.146	848.043	2.065.024	48.266
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	Tr đ	51.105	-8.485	14.495	17.006	308.055	126.604	26.065	24.545
3	Lợi nhuận sau thuế (PAT)	Tr đ	38.396	-9.797	11.826	13.130	246.943	82.753	20.302	18.508
4	Tổng giá trị tài sản	Tr đ	442.611	302.848	400.660	226.301	2.916.653	6.507.513	339.591	85.456
5	Vốn chủ sở hữu	Tr đ	145.509	107.483	162.087	111.968	1.120.240	5.080.665	140.279	61.392
6	Vốn điều lệ	Tr đ	95.793	111.162	82.836	72.277	599.991	3.526.117	80.000	25.000
7	KLCP đang lưu hành BQ	Cp	9.579.338	11.116.169	8.283.561	7.201.772	59.999.142	349.611.742	8.000.000	2.500.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	Cp	0	0	0	25.890	709	399.770	57	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	%	0,91	-1,03	6,57	1,97	1,37	9,76	0,98	38,35
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	%	26,39	-9,12	7,30	11,73	22,04	1,63	14,47	30,15
11	LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)	%	40,08	-8,81	14,28	18,17	41,16	2,35	25,38	74,03
12	Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)	Đồng	4.008	-881	1.428	1.823	4.116	237	2.538	7.403
13	Giá thị trường (P) (ngày 31/12)	Đồng	23.000	4.800	25.400	6.800	40.200	13.700	9.000	34.000
14	Giá thu nhập (P/E) (13/12)	Lần	6	-5	18	4	10	58	4	5
15	Giá trị CP trên sổ sách	Đồng	15.190	9.669	19.567	15.547	18.671	14.532	17.535	24.557
16	Giá trị vốn hóa (31/12/2011)	Tr đ	220.325	53.358	210.402	48.972	2.411.966	4.789.681	72.000	85.000

Ghi chú :

- Nguồn số liệu : Báo cáo tài chính quý 4 chưa kiểm toán do các công ty công bố trên website của Sở GDCK Tp.HCM (HOSE), và Sở GDCK Hà Nội (HNX).
- Các công ty niêm yết : Năm 2011 là năm mà nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế. Bên cạnh đó các chi phí đầu vào tiếp tục tăng cao (điện, nguyên vật liệu, lãi vay ngân hàng,...) cùng với sự thất chặt chi tiêu của đại đa số người tiêu dùng khiến cho các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên đại đa số các công ty mà COMECO đầu tư đều có kết quả kinh doanh tương đối khả quan (trừ HAX lợi nhuận bị âm). Các công ty trên không có đơn vị nào nằm trong diện bị kiểm soát của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3.3. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

(Tính đến 31/12/2011)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SLCP (cp)	GIÁ MUA BQ (đ/cp)	GIÁ 31/12/11 (đ/cp)	C.LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ C.LỆCH (1.000đ)	ĐÃ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG 31/12/2010	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2011
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7
1	Cty Thương nghiệp Cà Mau	CMV	196.350	17.571	23.000	5.429	1.066.050		
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133	9.079	4.800	-4.279	-21.962		-21.962
3	Cty cp Cơ khí Lữ Gia	LGC	279.290	25.453	25.400	-53	-14.931		-14.931
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	6.800	-15.748	-2.786.419	- 1.047.329	-1.739.090
5	Cty cp Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	321.000	56.665	40.200	-16.465	-5.285.300	- 6.761.900	1.476.600
6	Cty cp Chứng khoán SG	SSI	162.000	38.085	13.700	-24.385	3.950.300	- 985.700	-2.964.600
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	9.000	-12.815	-3.392.917		-3.392.917
8	Cty cp Bến xe Miền Tây	WCS	44.300	17.500	34.000	16.500	730.950		
9	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	10.137	0	0	0	0
10	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000	10.000	0	0	0	0
11	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990	10.100	10.100	0	0	0	0
12	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000	10.000	0	0	0	0
13	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675	21.000	21.000	0	0	0	0
14	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000	10.000	0	0	0	0
	TỔNG CỘNG		3.020.232				-15.451.829	- 8.794.929	-6.656.900

Ghi chú :

- Mệnh giá : 10.000 đ/cp.
- Cột 3 : Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2011 được tính như sau :
 - + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch : cổ phiếu CMV, HAX, LGC, PMS, PNJ, SSI, TMC, WCS.
 - + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào (đa số được mua với giá tương đối thấp): 6 cổ phiếu còn lại.
- Tổng số đã trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu ngày 31/12/2010 là : 8,795 tỷ đồng. Năm 2011 trích dự phòng bổ sung là : 6,657 tỷ đồng.



Lễ khai trương CNXD số 29

tại 318 Hương lộ 80, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM



Phần 7

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**
- II. Các dữ liệu thống kê về Cổ đông**
- III. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2011**
- IV. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội của COMECO trong năm 2011**



Phần 7: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của HĐQT :

1.1. Hoạt động chung :

Năm 2011, các thành viên HĐQT Công ty với vai trò đại diện cho các cổ đông của COMECO đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành sản xuất kinh doanh và đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong năm 2011, HĐQT Công ty đã tổ chức một kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2010 và 15 phiên họp HĐQT định kỳ để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, đồng thời kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của Ban TGD.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên HĐQT. Cụ thể năm 2011 đã thông qua:

- Báo cáo tài chính năm 2010 (đã kiểm toán); chương trình và toàn bộ các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2010.
- Ngày chốt danh sách Cổ đông để chuẩn bị ĐHĐCĐ.
- Vay vốn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.
- Bổ trí ông Lê Tấn Thương làm Phó TGD thường trực.
- Phân công công việc cho các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Mức thù lao chi trả cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2011.
- Dự án đầu tư CNXD mới; mở các Chi nhánh (CHXD) và cử người đứng đầu Chi nhánh, bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đầu tư góp vốn, mua cổ phần của các Công ty Cổ phần khác : Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam; Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Saigon, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu.
- Báo cáo tài chính hàng quý năm 2011.
- Ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các đợt sau:
Đợt 3/2010: 3%/VĐL; Đợt 1/2011: 3%/VĐL và Đợt 2/2011: 6%/VĐL
- Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2012.

- Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của Công ty:
 - + Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đại diện BKS Công ty và đều có Thư ký Công ty (Bà Trần Thị Hồng Linh – Phó TGD Công ty) ghi biên bản chi tiết và Nghị quyết của cuộc họp, các Biên bản họp đều có chữ ký của các thành viên HĐQT.
 - + Nghị quyết của HĐQT được phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý mảng công việc được phân công.
 - + Quy định rõ các chế độ thông tin, báo cáo và chế độ trách nhiệm đối với từng thành viên.

1.2 Giám sát hoạt động của TGD:

Để đảm bảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT được triển khai đúng theo kế hoạch và hiệu quả, HĐQT Công ty thường xuyên cung cấp đầy đủ các thông tin cho Ban TGD, để phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành. Đồng thời, HĐQT Công ty cũng luôn giám sát các hoạt động của Ban TGD để đảm bảo cho SXKD của Công ty được an toàn và tuân thủ đúng pháp luật. Trước những khó khăn và rủi ro tiềm ẩn như đã phân tích trên, HĐQT đã tập trung quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty; trong đó, tập trung sức lực nhiều cho các lĩnh vực sau:

- Chú trọng cho công tác quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro trong thanh toán. Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trong từng thời kỳ, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Công ty, Nhà nước, Cổ đông và đối tác, khách hàng cũng như quyền lợi người lao động.
- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư nhằm phát triển công tác đầu tư theo đúng định hướng của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty. Công tác đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với tình hình thực tế của thị trường. Không đầu tư tràn lan, kém hiệu quả.
- Giám sát công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo luôn có nhân sự bổ sung và thay thế kịp thời.

Qua công tác giám sát, HĐQT Công ty đánh giá những nội dung cơ bản về công tác điều hành của Ban TGD năm 2011 như sau:

- Trong các phiên họp định kỳ và đột xuất, Ban TGD thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh. Ban TGD đã thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.
- Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, hàng năm, hàng 6 tháng đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập. Thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm của Công ty; rà soát, tiết kiệm các chi phí một cách hợp lý để duy trì sự ổn định và nâng cao ưu thế cạnh tranh.
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

- Triển khai thực hiện tốt các Quy trình, Quy chế, Quy định quản trị của Công ty; làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực thi các Quy định này trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của COMECO. Kết quả Hệ thống Quản trị của Công ty đã thực sự phát huy tốt tác dụng. Đây là một trong 3 yếu tố cơ bản để quyết định sự phát triển bền vững của Công ty (Chiến lược đúng + Hệ thống Quản trị tiên tiến + Văn hóa mạnh).
- Hoạt động của TGD luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Điều hành kinh doanh hiệu quả và bảo toàn vốn; hàng năm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, lợi ích của Công ty, Nhà nước, Cổ đông, Đối tác, Khách hàng Người lao động đều được đảm bảo.

1.3. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty:

Cán bộ quản lý Công ty gồm có các Phó TGD và Kế toán trưởng.

- Hàng kỳ, Chủ tịch HĐQT tham dự họp với Ban TGD và Giám đốc các bộ phận (tuần/lần), với Trưởng các Chi nhánh (tháng/lần) để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. Thông qua việc này, HĐQT cũng nhận được những thông tin kịp thời và sát với tình hình của từng đơn vị để đưa ra những định hướng đúng đắn, sự chỉ đạo kịp thời, phù hợp với đơn vị.
- Ngoài ra, HĐQT còn thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty theo các Quy chế và Quy định đã ban hành và theo kết quả công việc được phân công, ủy quyền.
- Công tác giám sát của HĐQT trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho cán bộ quản lý thực thi công việc một cách thuận lợi, kịp thời khắc phục được các hạn chế, yếu kém về mặt nghiệp vụ và ngăn ngừa không để tiêu cực phát sinh.

Các hoạt động của TGD và cán bộ quản lý Công ty ngoài giám sát của HĐQT còn có sự giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát Công ty, Ban kiểm soát nội bộ và các bộ phận quản lý khác nhằm kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm yếu, đảm bảo cho sự phát triển liên tục của Công ty. Vì vậy, trong những năm qua đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí cũng như các rủi ro trong tác nghiệp.

2. Hoạt động của BKS :

- BKS của Công ty thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, có quyền tiếp cận đến tất cả các thông tin và tài liệu có liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Trong suốt quá trình hoạt động BKS luôn nhận được sự thuận lợi trong việc cung cấp thông tin của các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý Công ty; ngoài ra còn được sự hỗ trợ tích cực của BKS Nội bộ Công ty.
- BKS họp 3 lần.
- Thực hiện việc giám sát các hoạt động của Công ty một cách hiệu quả và thực hiện đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông.

3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS, Ban TGD :

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.
- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS, Ban TGD. Các ý kiến thảo luận của BKS, Ban TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.
- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực : Cử các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý của Công ty tham gia các khóa học về quản trị, CEO, CFO, Tư tưởng kinh doanh, Kỹ năng lãnh đạo, Quản lý khủng hoảng, Nâng cao năng lực lãnh đạo, Phân tích tài chính – Đầu tư cao cấp,... do các trường trong nước hoặc các chuyên gia nước ngoài giảng dạy để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận với các kiểu quản lý hiện đại trên thế giới; Công ty cũng có thể thuê chuyên gia cao cấp trong nước hoặc nước ngoài.
- Sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng vừa linh hoạt vừa chuyên sâu để vừa đảm bảo tính chuyên nghiệp vừa thuận lợi trong sử dụng lao động.
- Hoàn thiện quy trình quản trị Công ty theo các mô hình quản trị tiên tiến.
- Cải tiến liên tục và áp dụng tích hợp Hệ thống Quản lý Chất lượng với 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương vào mô hình quản lý của COMECO.
- Có các chính sách giữ và thu hút lao động chất xám, lao động kinh nghiệm một cách hiệu quả như đãi ngộ về tiền lương, thưởng; thưởng cổ phiếu ESOP, mua bảo hiểm nhân thọ; trợ cấp khó khăn,...

5. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2011 :

- Thù lao HĐQT : 270.000.000đ (bình quân : 4,5 triệu đồng/người/tháng).
 - Thù lao BKS : 97.200.000đ (bình quân : 2,7 triệu đồng/người/tháng).
- Tổng cộng năm 2011 đã chi : 367.200.000 đồng.

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty : 9/9 người.

7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD, BAN KS VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM

(Tại thời điểm 14-02-2012)

Đơn vị tính : cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TC SLCP	%/VDL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
I	Hội Đồng Quản Trị		511.385		549.730	1.061.115	7,51
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT - TGD	142.600	Em : Trương Đức Phương	364.150	506.750	3,59
2	Huỳnh Nguyên Triệu	UV HĐQT - Phó TGD	142.780	Vợ : Nguyễn Thị Lùng	88.810	231.590	1,64
5	Phạm Công Quyền	UV HĐQT - GĐTC	100.005	Vợ : Vũ Bích Ngọc	40.000	140.005	0,99
6	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - Phó TGD	68.470	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	107.380	0,76
7	Đinh Viết Thắng	UV HĐQT – GĐKD	57.530	Vợ : Bùi Thu Hạnh	17.860	75.390	0,53
II	Ban Tổng Giám Đốc		85.920		23.930	109.850	0,78
1	Trần Thị Hồng Linh	Phó TGD	85.920	Con : Trần Thị Tố Như	11.860	109.850	0,78
				Em : Trần Thị Thanh Nam	12.070		
	CỘNG (I+II)		597.305		573.660	1.170.965	8,29
III	Ban Kiểm Soát		56.310		280	56.590	0,40
1	Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng BKS	14.140			14.140	0,10
2	Phạm Văn Khoa	UV BKS - GĐĐT	20.000	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	280	20.280	0,14
3	Nguyễn Hữu Hoàng	UV BKS - Phó GĐTC	22.170			22.170	0,16
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		653.615		573.940	1.227.555	8,69

8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và người có liên quan :

Trong năm 2011, các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và người có liên quan không thực hiện bất kỳ giao dịch mua bán nào.



Ông Lê Tấn Thương -
Ủy viên HĐQT - Phó TGD Thường trực
Công ty COMECO nhận giải thưởng
Bảo cáo thường niên tốt nhất năm 2010.

9. Thông tin về các giao dịch của cổ đông lớn :

DANH SÁCH 9 CỔ ĐÔNG LỚN

(tại thời điểm 14/02/2012)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 22/02/2011		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 14/02/2012	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Cty TNHH Một thành viên (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	3.454.880	24,47	827.070	4.281.950	30,32
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	2.965.960	21,00	784.240	3.750.200	26,56
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Ngân hàng	693.240	4,91	0	693.240	4,91
4	Bà Trương Đức Hạnh và người có liên quan	389 Điện Biên Phủ, F.4, Q.3, Tp.HCM	CT HĐQT - TGD COMECO	506.750	3,59	0	506.750	3,59
5	Cty Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư (Petec)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	476.620	3,38	0	476.620	3,38
6	Ông Huỳnh Nguyên Triệu và người có liên quan	189B Lạc Long Quân, Q.10, Tp.HCM	UV HĐQT - P.TGD COMECO	231.590	1,64	0	231.590	1,64
7	Bà Nguyễn Thị Thuý Dung	217 Khóm 5, P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa Đồng Nai	Trưởng CN số 31 COMECO	216.760	1,54	0	216.760	1,54
8	Ông Châu Văn Phương	650/26 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, Tp.HCM	Trưởng CN số 21 COMECO	188.310	1,33	670	188.980	1,34
9	Bà Huỳnh Thị Trang	724 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, Tp.HCM		185.430	1,31	0	185.430	1,31
				8.919.540	63,17	1.611.980	10.531.520	74,58

II. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG :

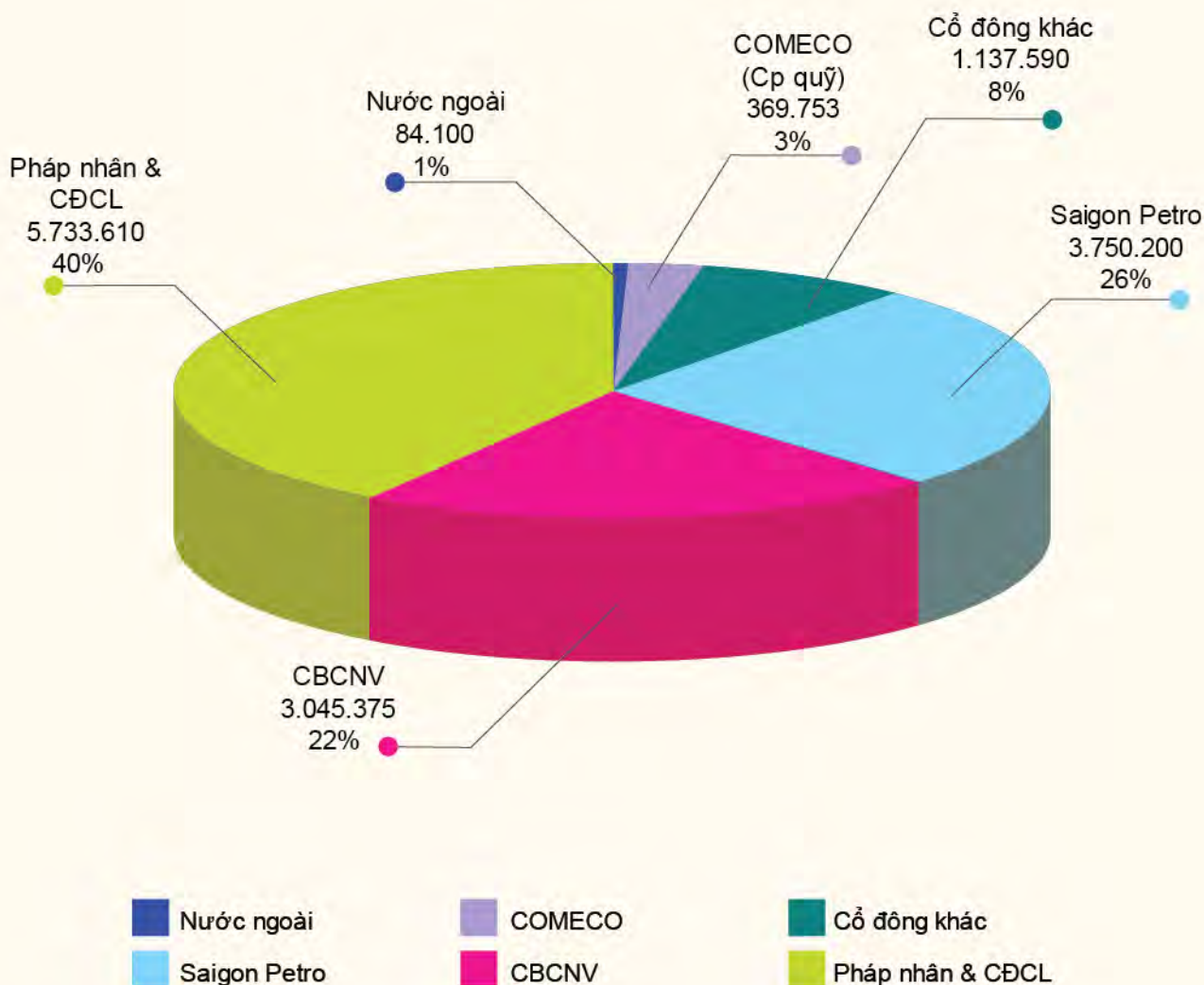
1. Cổ đông trong nước và nước ngoài :

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SL CỔ PHẦN (cp)	TL/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước		14.036.528	99,40
1	Pháp nhân	11	9.853.563	69,78
2	Cá nhân	497	4.182.965	29,62
II	Cổ đông nước ngoài		84.100	0,65
1	Pháp nhân	4	8.340	0,06
2	Cá nhân	87	75.760	0,58
	TỔNG CỘNG (I+II)		14.120.628	100

2. Cơ cấu cổ đông :

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Tại thời điểm 14/02/2012)

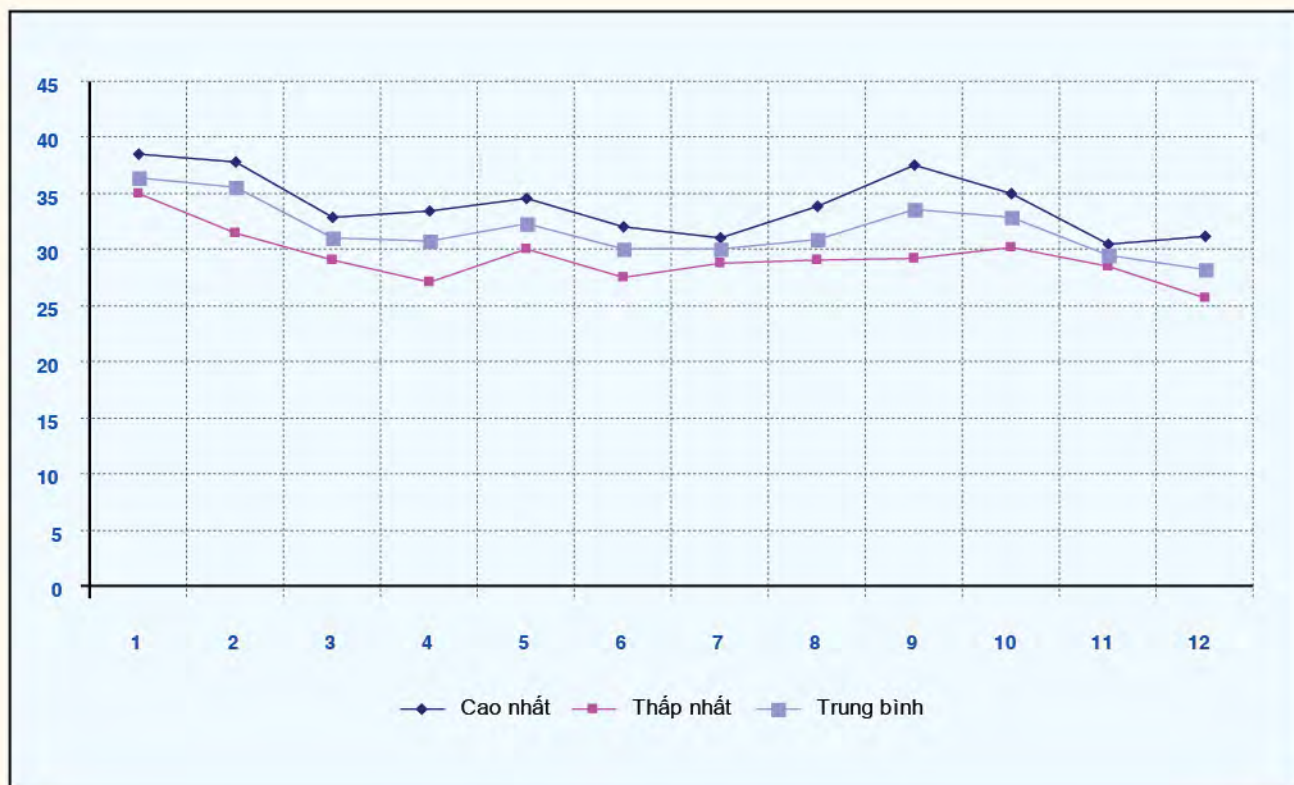


III. DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2011

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2011

MỨC ĐỘ	THÁNG 1/2011	THÁNG 2/2011	THÁNG 3/2011	THÁNG 4/2011	THÁNG 5/2011	THÁNG 6/2011	THÁNG 7/2011	THÁNG 8/2011	THÁNG 9/2011	THÁNG 10/2011	THÁNG 11/2011	THÁNG 12/2011	BQ 2011
Cao nhất	38.500	37.800	32.900	33.500	34.500	32.000	31.000	33.900	37.500	35.000	30.500	31.200	34.000
Thấp nhất	35.000	31.400	29.000	27.100	30.000	27.500	28.800	29.000	29.200	30.200	28.500	25.700	29.300
Trung bình	36.400	35.600	31.100	30.700	32.300	30.100	30.000	30.900	33.500	32.800	29.500	28.200	31.700

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2011



Bà Trương Đức Hạnh, Chủ tịch HĐQT - TGB Công ty COMECO trong buổi Lễ ký kết Hợp tác Chiến lược với Công ty TNHH Total Việt Nam (người mặc áo màu cam, ngồi ở giữa)



IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI CỦA COMECO TRONG NĂM 2011

1. Đối với cộng đồng và xã hội :

Thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội là :

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”.

Với ý thức trách nhiệm trên, trong quá trình hoạt động COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Ngoài việc thăm hỏi, năm 2011 COMECO còn đóng góp tổng số tiền : **530.000.000 đồng** để xây tặng nhà tình nghĩa, tình thương, Quỹ vì người nghèo của Thành phố Hồ Chí Minh, của huyện Đạ Huoai, Lâm Đồng, huyện Cần Giuộc, Long An; trợ cấp cho vợ liệt sĩ; ủng hộ nhân dân Nhật Bản,... Được xếp thứ **17/60** đơn vị **nhận Kỷ niệm chương của UBND Tp.HCM** nhân dịp Tổng kết 10 năm **Phong trào vì người nghèo** của Thành phố.

2. Đối với khách hàng và đối tác :

Thái độ của COMECO đối với khách hàng là :

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win”.

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia.

3. Đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ :

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”.

4. Đối với công nhân viên (NLĐ) :

COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLĐ; khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng của nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; đồng thời luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện :

“Bản sắc nhân văn - Đề cao giá trị đạo đức truyền thống”.

Với tinh thần đề cao giá trị đạo đức truyền thống, văn hóa **“COMECO nói lời cảm ơn khách hàng”** luôn được toàn thể công nhân viên tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi gắm đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội luôn được COMECO thực hiện với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Đức Hạnh



Phần 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2011

**Phần 8:****BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2011****A. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

B. KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 ngày 01/11/2011.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổ áp, máy phát điện, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

C. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



D. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của HĐQT trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Ủy viên
Ông Phạm Công Quyền	Ủy viên
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên
Ông Đinh Viết Thắng	Ủy viên

E. BÁO CÁO CỦA BAN TGD (tiếp theo)

Các thành viên của Ban TGD trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Thương	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Các thành viên của BKS trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Khắc Hồng Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Hoàng	Thành viên
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên

F. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

G. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TGD ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban TGD Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban TGD Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- *Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- *Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- *Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- *Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban TGD Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban TGD Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban TGD



Trương Đức Hạnh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số : 26/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 20/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 63 đến trang 85.
Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư - Xăng dầu tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Cao Thị Hồng Nga

Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 1559/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		230.217.066.677	265.481.180.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.142.270.504	22.936.221.124
1. Tiền	111		38.142.270.504	12.844.554.457
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.091.666.667
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	46.863.202.000	48.579.707.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		62.315.031.000	57.374.636.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(15.451.829.000)	(8.794.929.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.207.785.259	101.900.717.421
1. Phải thu khách hàng	131		44.232.408.071	50.248.810.615
2. Trả trước cho người bán	132		48.675.606.070	49.268.145.138
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	2.299.771.118	2.383.761.668
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	42.122.346.995	83.324.158.476
1. Hàng tồn kho	141		42.535.326.869	84.017.990.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(412.979.874)	(693.831.534)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.881.461.919	8.740.376.770
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.082.443.430	402.553.894
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.132.340.719	1.620.345.356
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	5.666.677.770	6.717.477.520
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		218.338.162.087	198.845.719.870
I. Tài sản cố định	220		214.936.162.087	194.687.719.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	110.869.827.088	109.143.006.987
- Nguyên giá	222		151.826.178.542	145.615.592.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.956.351.454)	(36.472.585.362)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	19.834.700.541	20.367.220.797
- Nguyên giá	228		22.500.584.020	22.500.584.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.665.883.479)	(2.133.363.223)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	84.231.634.458	65.177.492.086
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.402.000.000	4.158.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.402.000.000	4.158.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		448.555.228.764	464.326.900.661



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.719.710.045	107.101.332.751
I. Nợ ngắn hạn	310		85.709.554.775	101.427.192.400
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	34.000.000.000	24.700.000.000
2. Phải trả người bán	312		8.118.940.993	48.673.532.920
3. Người mua trả tiền trước	313		15.439.539.145	1.334.018.464
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.397.520.548	4.413.086.967
5. Phải trả người lao động	315		7.876.649.652	13.735.319.998
6. Phải trả nội bộ	317		55.401.755	55.401.755
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	11.528.187.073	4.455.810.949
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.293.315.609	4.060.021.347
II. Nợ dài hạn	330		5.010.155.270	5.674.140.351
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.685.532.780	1.302.425.005
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	2.963.916.950	4.011.009.806
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		360.705.540	360.705.540
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.835.518.719	357.225.567.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	357.835.518.719	357.225.567.910
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		138.228.344.134	138.228.344.134
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		18.278.528.199	17.231.435.343
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.946.154.700)	(14.946.154.700)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		38.608.862.280	34.916.995.280
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.476.221.750	5.630.287.750
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.983.437.056	34.958.380.103
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448.555.228.764	464.326.900.661

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		152,94	152,94
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền



Trương Đức Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.732.648.392.681	3.616.801.420.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.732.648.392.681	3.616.801.420.380
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.600.725.559.266	3.469.540.156.193
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.922.833.415	147.261.264.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.887.779.752	7.570.787.859
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.328.637.724	3.212.424.030
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.658.946.569	1.456.802.537
8. Chi phí bán hàng	24		73.229.151.815	90.682.717.327
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.136.319.650	12.316.929.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.116.503.978	48.619.980.698
11. Thu nhập khác	31		2.278.989.720	-
12. Chi phí khác	32		521.835.974	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.757.153.746	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.873.657.724	48.619.980.698
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	9.602.035.471	11.701.305.425
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.271.622.253	36.918.675.273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.420	2.697

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Hoàng



Phạm Công Quyền



Trương Đức Hạnh



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.873.657.724	48.619.980.698
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.335.701.856	4.559.926.434
- Các khoản dự phòng	03	6.376.048.340	1.755.217.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.875.699.215)	(7.559.282.136)
- Chi phí lãi vay	06	6.658.946.569	1.456.802.537
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.368.655.274	48.832.644.933
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.231.736.549	(24.961.134.585)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	41.482.663.141	91.532.751.016
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(26.513.998.726)	20.934.372.964
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	76.110.464	(3.869.999.426)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.658.946.569)	(1.456.802.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.386.061.488)	(19.846.309.895)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	383.107.775	1.302.425.005
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.353.147.882)	(4.201.796.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.630.118.538	108.266.150.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(26.118.771.202)	(76.543.422.107)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	1.548.571.080	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.940.395.000)	(3.202.820.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		20.791.809.609
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	4.861.755.264	5.867.472.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.648.839.858)	(53.086.959.971)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(106.076.400)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	905.277.500.000	218.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(895.977.500.000)	(252.800.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.075.229.300)	(17.447.806.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.775.229.300)	(51.853.882.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15.206.049.380	3.325.307.629
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.936.221.124	19.610.913.495
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	38.142.270.504	22.936.221.124

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 ngày 01/11/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổ áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau : Hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền, vật tư theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung, tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.906.568.538	1.938.760.833
Tiền gửi ngân hàng	21.457.988.576	10.905.793.624
Tiền đang chuyển	14.777.713.390	-
Các khoản tương đương tiền		10.091.666.667
Cộng	38.142.270.504	22.936.221.124

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	62.315.031.000	57.374.636.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15.451.829.000)	(8.794.929.000)
Cộng	46.863.202.000	48.579.707.000

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm :

Loại cổ phiếu	31/12/2011		01/01/2011	
	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Số cổ phần	Giá trị đầu tư
Công ty CP Cà Phê Petec	43.800	444.000.000	43.800	444.000.000
Công ty CP TM-KT và Đầu Tư Petec - Hà Nam Ninh	26.990	272.599.000	26.990	272.599.000
Công ty CP Bến Xe Miền Tây (WCS)	44.300	775.250.000	44.300	775.250.000
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752	5.775.685.000	264.752	5.775.685.000
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Cần Thơ	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS)	176.942	3.989.625.000	101.110	3.231.305.000
Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ)	321.000	18.189.500.000	321.000	18.189.500.000
Công ty CP Cơ Khí Lữ Gia (LGC)	279.290	7.108.897.000	275.790	7.019.997.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	196.350	3.450.000.000	196.350	3.450.000.000
Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)	162.000	6.169.700.000	162.000	6.169.700.000
Công ty CP DV Ô Tô Hàng Xanh (HAX)	5.133	46.600.000	3.720	46.600.000
Công ty CP Vận Tài Việt Tín	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư PETEC	99.675	2.093.175.000	-	-
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn.	200.000	2.000.000.000	-	-
Cộng		62.315.031.000		57.374.636.000

Ghi chú: Mệnh giá của các cổ phiếu trên là 10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	31.248.428	31.248.428
Phải thu tiền lãi đã chi trả cho cổ đông	145.840.170	145.840.170
Phải thu Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn Samco (vốn nhà nước khi cổ phần hóa)	870.979.070	870.979.070
Phải thu khác	1.251.703.450	1.335.694.000
Cộng	2.299.771.118	2.383.761.668

4. Hàng tồn kho :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	-	50.078.946.713
Nguyên liệu, vật liệu	22.436.874	462.915.214
Công cụ, dụng cụ	-	91.046.250
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	445.094.624	231.504.893
Hàng hóa	42.067.795.371	33.153.576.940
Cộng giá gốc hàng tồn kho	42.535.326.869	84.017.990.010
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(412.979.874)	(693.831.534)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	42.122.346.995	83.324.158.476

5. Tài sản ngắn hạn khác :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng công trình Tổng kho xăng dầu	1.295.149.888	1.019.581.763
Tạm ứng công trình cao ốc COMECO	3.733.828.724	4.116.168.811
Tạm ứng công trình trạm XD Bầu Hàm	-	276.955.412
Tạm ứng công trình cửa hàng XD 35	-	676.818.914
Các khoản tạm ứng khác	637.699.158	627.952.620
Cộng	5.666.677.770	6.717.477.520

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	114.531.673.078	12.070.735.041	17.556.054.006	1.457.130.224	145.615.592.349
Số tăng trong năm	2.758.595.840	1.020.046.513	168.500.000	3.117.486.477	7.064.628.830
- Mua trong năm	-	1.020.046.513	168.500.000	3.117.486.477	4.306.032.990
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.758.595.840	-	-	-	2.758.595.840
Số giảm trong năm	736.787.647	117.254.990	-	-	854.042.637
- Thanh lý, nhượng bán	736.787.647	117.254.990	-	-	854.042.637
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	116.553.481.271	12.973.526.564	17.724.554.006	4.574.616.701	151.826.178.542
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.689.301.184	10.311.119.943	10.135.344.439	1.336.819.796	36.472.585.362
Khấu hao trong năm	2.689.068.027	448.166.543	1.321.178.670	344.768.360	4.803.181.600
Số giảm trong năm	214.951.673	104.463.835	-	-	319.415.508
- Thanh lý, nhượng bán	214.951.673	104.463.835	-	-	319.415.508
Số dư cuối kỳ	17.163.417.538	10.654.822.651	11.456.523.109	1.681.588.156	40.956.351.454
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	99.842.371.894	1.759.615.098	7.420.709.567	120.310.428	109.143.006.987
Tại ngày cuối kỳ	99.390.063.733	2.318.703.913	6.268.030.897	2.893.028.545	110.869.827.088

Ghi chú: Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.641.360.849 đồng (31/12/2010: 18.406.003.692 đồng)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

Đơn vị tính: VND

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	22.500.584.020
Mua trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối kỳ	22.500.584.020
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.133.363.223
Hao mòn trong năm	532.520.256
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối kỳ	2.665.883.479
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	20.367.220.797
Tại ngày cuối kỳ	19.834.700.541

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công trình cửa hàng xăng dầu số 29	5.479.160.609	5.141.292.903
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai	58.841.399.503	58.008.294.043
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 35	2.609.553.678	716.920.984
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 36	1.343.177.339	-
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 37	6.463.735.737	-
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 38	7.014.050.336	-
Dự án Cao ốc văn phòng và Trung tâm thương mại 549 Điện Biên Phủ	1.592.059.000	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	888.498.256	1.310.984.156
Cộng	84.231.634.458	65.177.492.086

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí tiền thuê mặt bằng trả trước	3.402.000.000	4.158.000.000
Cộng	3.402.000.000	4.158.000.000

10. Vay và nợ ngắn hạn :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn (*)	34.000.000.000	24.700.000.000
Cộng	34.000.000.000	24.700.000.000

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ Việt Nam theo giấy nhận nợ ngày 30/12/2011. Thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất vay là 14,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.913.851	3.097.939.868
Thuế thu nhập cá nhân	78.165.139	309.705.541
Thuế nhà đất	313.690.587	313.690.587
Các loại thuế khác	691.750.971	691.750.971
Cộng	3.397.520.548	4.413.086.967

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhựa đường OECF	1.763.893.577	1.763.893.577
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.764.293.496	2.691.917.372
Cộng	11.528.187.073	4.455.810.949

13. Vay và nợ dài hạn :

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn khác (*)	2.963.916.950	4.011.009.806
Cộng	2.963.916.950	4.011.009.806

(*) Vay dài hạn đối tượng khác là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.

14. Vốn chủ sở hữu :

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI
Số dư đầu năm trước	87.840.000.000	159.069.574.134	16.184.342.487	18.001.078.300	28.594.611.280	4.365.811.750	64.951.130.330
Lãi trong năm trước							36.918.675.273
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.525.050.000						(7.525.050.000)
Thưởng cổ phiếu	45.841.230.000	(20.841.230.000)					(25.000.000.000)
Chia cổ tức năm 2009							(9.197.281.500)
Tạm ứng cổ tức 2010							(8.250.525.000)
Trích các quỹ					6.322.384.000	1.264.476.000	(13.909.244.000)
Mua cổ phiếu quỹ				106.076.400			-
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát							(326.400.000)
Thưởng cổ phiếu quỹ cho CBCNV				(3.161.000.000)			(1.928.925.000)
Giảm khác							(774.000.000)
Số dư cuối năm trước	141.206.280.000	138.228.344.134	17.231.435.343	14.946.154.700	34.916.995.280	5.630.287.750	34.958.380.103
Lãi trong năm							33.271.622.253
Chia cổ tức bằng tiền năm 2010							(16.501.050.000)
Tạm ứng cổ tức 2011							(12.574.179.300)
Trích các quỹ					3.691.867.000	1.845.934.000	(9.229.668.000)
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát							(367.200.000)
Thưởng HĐQT và Ban Tổng giám đốc							(491.868.000)
Giảm khác							(82.600.000)
Số dư cuối kỳ	141.206.280.000	138.228.344.134	18.278.528.199	14.946.154.700	38.608.862.280	7.476.221.750	28.983.437.056

Ghi chú : - Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO.

- Cổ phiếu quỹ của Công ty : Số lượng 369.753 cổ phiếu (tương đương 14.946.154.700 VND)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	31/12/2011 VND	%	01/01/2011 VND	%
Vốn góp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (Saigon Petro)	37.502.000.000	26,56	27.446.200.000	19,44
Vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	42.819.500.000	30,32	34.443.900.000	24,39
Vốn góp của các đối tượng khác	60.884.780.000	43,12	79.316.180.000	56,17
Cộng	141.206.280.000	100,00	141.206.280.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	87.840.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	53.366.280.000
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.075.229.300	49.972.856.500
Trong đó:		
- Bằng tiền	29.075.229.300	17.447.806.500
- Bằng cổ phiếu	-	32.525.050.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.753	369.753
- Cổ phiếu phổ thông	369.753	369.753
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.750.875	13.750.875
- Cổ phiếu phổ thông	13.750.875	13.750.875

Ghi chú: Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.732.648.392.681	3.616.801.420.380
Doanh thu bán hàng	4.714.950.288.542	3.603.284.313.235
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.698.104.139	10.027.487.145
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.489.620.000

2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	4.593.884.781.907	3.461.059.597.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.840.777.359	5.068.289.411
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	3.412.268.876
Cộng	4.600.725.559.266	3.469.540.156.193

3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.339.978.064	4.052.713.527
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.521.777.200	1.814.759.000
Lãi bán cổ phiếu	-	1.691.809.609
Doanh thu hoạt động tài chính khác	26.024.488	11.505.723
Cộng	4.887.779.752	7.570.787.859

4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.658.946.569	1.456.802.538
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.656.900.000	1.755.217.400
Chi phí tài chính khác	12.791.155	404.092
Cộng	13.328.637.724	3.212.424.030

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.873.657.724	48.619.980.698
Các khoản điều chỉnh	(3.252.195.840)	(1.814.759.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.252.195.840	1.814.759.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.521.777.200	1.814.759.000
+ Thu hồi lại phạt thuế đã nộp theo QĐ 133/QĐ-CT-KTNB ngày 23/09/2011)	730.418.640	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	39.621.461.884	46.805.221.698
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	9.905.365.471	11.701.305.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do chênh lệch thuế suất 25% và 28%	303.330.000	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.602.035.471	11.701.305.425

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.271.622.253	36.918.675.273
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.271.622.253	36.918.675.273
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.750.875	13.687.953
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.420	2.697

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.200.337.969	9.813.267.077
Chi phí nhân công	42.655.682.255	52.287.303.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.335.701.856	4.559.926.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.851.581.080	17.474.900.920
Chi phí khác	14.162.945.664	23.932.538.784
Cộng	89.206.248.824	108.067.936.729

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương tiền	38.142.270.504	22.936.221.124	38.142.270.504	22.936.221.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.532.179.189	52.632.572.283	46.532.179.189	52.632.572.283
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	46.863.202.000	48.579.707.000	46.863.202.000	48.579.707.000
Cộng	131.537.651.693	124.148.500.407	131.537.651.693	124.148.500.407
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	34.000.000.000	24.700.000.000	34.000.000.000	24.700.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	21.332.660.846	54.431.768.874	21.332.660.846	54.431.768.874
Cộng	55.332.660.846	79.131.768.874	55.332.660.846	79.131.768.874

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán niêm yết. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

3. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2010 và vào ngày 31/12/2011.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	53.647.128.066	1.685.532.780	55.332.660.846
Các khoản vay	34.000.000.000		34.000.000.000
Phải trả người bán	8.118.940.993		8.118.940.993
Phải trả khác	11.528.187.073	1.685.532.780	13.213.719.853
Số đầu năm	77.829.343.869	1.302.425.005	79.131.768.874
Các khoản vay	24.700.000.000		24.700.000.000
Phải trả người bán	48.673.532.920		48.673.532.920
Phải trả khác	4.455.810.949	1.302.425.005	5.758.235.954

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Hữu Hoàng


Phạm Công Quyền




Trương Đức Hạnh



Phần 9

MẠNG LƯỚI BÁN LẺ XÃNG DẦU



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



HỆ THỐNG CHI NHÁNH CỬA HÀNG XĂNG DẦU COMECO

SỐ TT	CHI NHÁNH	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN THOẠI
1	Chi nhánh số 1	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, TP. HCM	38 359 704
2	Chi nhánh số 3	178/9 M Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	38 994 332
3	Chi nhánh số 4	46 Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, TP. HCM	39 693 884
4	Chi nhánh số 6	710 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, TP. HCM	36 691 767
5	Chi nhánh số 7	49 Trường Chinh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 490 097
6	Chi nhánh số 8	917 đường 3/2, Phường 7, Quận 11, TP. HCM	38 550 466
7	Chi nhánh số 9	79 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TP. HCM	38 645 289
8	Chi nhánh số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907
9	Chi nhánh số 12	28 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	38 756 890
10	Chi nhánh số 14	450 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM	38 750 029
11	Chi nhánh số 15	526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM	38 750 038
12	Chi nhánh số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, TP. HCM	39 316 365
13	Chi nhánh số 17	70 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	39 854 761
14	Chi nhánh số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM	38 291 339
15	Chi nhánh số 19	16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	37 733 164
16	Chi nhánh số 20	667A, Quốc lộ 1A, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479
17	Chi nhánh số 21	12A Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014
18	Chi nhánh số 22	17/5 Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006
19	Chi nhánh số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM	38 474 522
20	Chi nhánh số 24	C2 KCN Đức Hòa 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	072 3779 913
21	Chi nhánh số 25	26 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	37 523 952
22	Chi nhánh số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493
23	Chi nhánh số 27	3/40G Dương Công Khi, ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961
24	Chi nhánh số 29	318 Hương lộ 80, Khu phố 2, Phường Bình Hưng Hòa B Quận Bình Tân, TP.HCM	37 655 868
25	Chi nhánh số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP.HCM	37 905 836
26	Chi nhánh số 31	439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014
27	Chi nhánh số 32	209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, TP.HCM	39 557 925
28	Chi nhánh số 33	836 Quốc lộ 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	061 2660 919
29	Chi nhánh số 34	D11/6Q Quốc lộ 1A, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM	37 505 046
30	Chi nhánh số 35	Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Da Huoi, Tỉnh Lâm Đồng	063 3946 239
31	Chi nhánh số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ An A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0753 545 494
32	Chi nhánh số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0753 670 909
33	Chi nhánh số 38	38 ấp Vĩnh Phước, xã Phước Lý, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	072 3892 959

**HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO**

(Trang trí theo thiết kế của COMECO)

SỐ TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	DNTN TM Võ Thị Loan	Ấp 2, Xã Hòa Phú, Huyện Củ Chi, TP.HCM
2	DNTN TM Hải Sơn Lâm	124/9C Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
3	DNTN Nguyễn Văn Sáu	Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
4	Cty TNHH MTV Bàu Sen	Ấp 3, Bàu Sen, Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
5	DNTN TM Quang Mẫn	256 QL13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
6	DNTN TM An Nhơn Tây	Ấp Xóm Mới, Xã An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi, TP.HCM
7	DNTN TM Thanh Quan	113 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP.HCM
8	CTY Mỹ Anh - Trạm XD GAS Tuyết Anh	822/1 Hương lộ 2, Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, TP.HCM
9	DNTN TM Gò Dưa	570 – 572 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM
10	DNTN TM Huỳnh Khang	A7/15K Trần Đại Nghĩa, Ấp 1, Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
11	CTY TNHH XD Lê Tuấn Anh	344A Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP.HCM
12	CTY TNHH TM Việt Kim	Ấp Bình Đường 1, Xã An Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
13	CTY TNHH XD Thanh Bình	948 Tân Kỳ Tân Quý, KP5, Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM
14	DNTN Trang Khoa	Bến Đình, Tỉnh lộ 319, Xã Phú Đông, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO

(Chưa trang trí theo thiết kế của COMECO)

SỐ TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	Lô A59/1, Đường 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM
2	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4 - Trạm XD Phú Định	01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM
3	CTY TNHH Âu Cơ	617A Âu Cơ, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
4	DNTN Nghĩa Phát	537 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM
5	CTY CP Cảng Tôn Thất Thuyết	42 Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP.HCM
6	DNTN Tân Vạn An	66 Ấp 3, Xã Tân Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
7	CTY Cp Hóa chất VL Điện TP.HCM	452 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP.HCM
8	DNTN TM DV Hạnh Thủy	Ấp Chánh, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM
9	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4	131 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 16, Quận 11, TP.HCM
10	Công ty TNHH MTV SX TM DV Minh Thành	2Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
11	DNTN Trạm Xăng Dầu Nam Cát Tiên	150, Ấp Phú Lâm 1, Xã Phú Sơn, Huyện Tân Phú, Đồng Nai



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Ông Lê Tấn Thương - Phó TGD thường trực Công ty COMECO trao quà tặng cho khách hàng trong chương trình “Bán xăng sinh học E5 và ứng dụng thẻ thanh toán” nhân dịp Kỷ niệm 36 năm Ngày thành lập Công ty (13/12/1975 - 13/12/2011)



Bà Trương Đức Hạnh, CTHĐQT - TGD Công ty COMECO trao tiền ủng hộ từ thiện cho Cán bộ địa phương trong Lễ khai trương CNXD 36



Lễ Khai trương CNXD số 37 tại tỉnh Bến Tre ngày 07/01/2012



Lễ Khai trương CNXD số 38 tại tỉnh Long An ngày 06/12/2011



549 Điện Biên Phủ - Phường 3 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 38 321 111 - 38 302 222 - 38 303 222 Fax: (84.8) 38 325 555
Email: comecopetro@hcm.vnn.vn Website: www.comeco.com.vn